

下馬

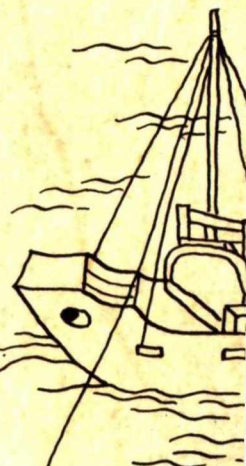
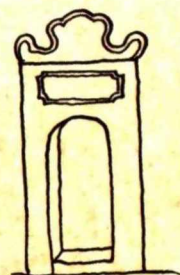
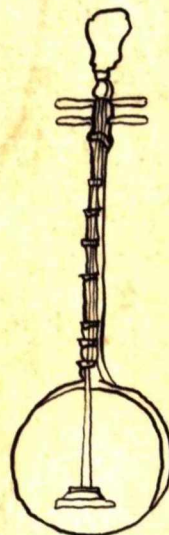
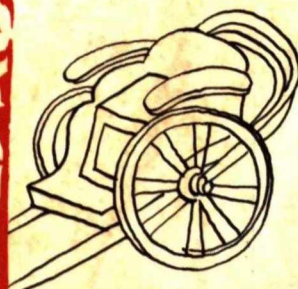
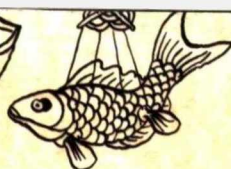
NHIỀU TÁC GIẢ

THĂNG LONG HÀ NỘI NHỮNG ĐIỀU TÔI MUỐN BIẾT

1



KIM ĐÔNG NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐÔNG



Cuốn sách này của

.....

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thăng Long - Hà Nội, những điều tôi muốn biết. - Tái bản lần thứ 2. - H. : Kim Đồng. - 18cm

T.1. - 2016. - 184tr. : tranh vẽ

ISBN 9786042049436

1. Lịch sử 2. Hà Nội

959.731 - dc23

KDM0790p-CIP

Thăng Long Hà Nội những điều tôi muốn biết

© Nhóm biên soạn, (2010)

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm
giữa Nhóm biên soạn và Nhà xuất bản Kim Đồng, (2010)

Bản quyền hình ảnh bìa, minh họa thuộc về
Nhà xuất bản Kim Đồng, (2010)

Vẽ bìa và minh họa: **Tạ Huy Long**

Trình bày bìa: **Vũ Xuân Hoàn**

Thăng Long - Hà Nội

Những điều tôi muốn biết

Tập 1

(Sưu tầm và biên soạn)



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Nhóm biên soạn:

Nguyễn Thị Phương Huệ

Nguyễn Thị Vân

Nguyễn Mạnh Tuấn

Trần Văn Mạnh

Bùi Thị Lan

Trần Văn Dung

Phạm Thanh Văn

Nguyễn Thuỳ Linh

Trần Nhật Mỹ

M ụ c l ụ c

Thăng Long - Địa linh

[9]

Thăng Long - Nhân kiệt

[35]

Thăng Long - Lịch sử

[71]

Thăng Long - Truyền thống & Hào hoa

[97]

Thăng Long - Quy chiếu ra thế giới

[145]

Ô chữ Thăng Long

[165]

Thăng Long đệ nhất thủ

Tán lĩnh Lô giang tuế tuế đồng,
Bạc đầu do đắc kiến Thăng Long.
Thiên niên cự thất thành quan đạo,
Nhất phiến tân thành một cố cung.
Tương thức mỹ nhân khan bão tử,
Đồng du hiệp thiếu tạn thành ông.
Quan tâm nhất dạ khổ vô thuy,
Đoán địch thanh thanh minh nguyệt trung.

(Nguyễn Du)

Thăng Long bài I

Núi Tán sông Lô vẫn núi sông
Bạc đầu còn được thấy Thăng Long
Nghìn năm cự thất thành quan lộ
Một dải tân thành lấp cố cung
Người đẹp buổi xưa đều bé trẻ
Bạn chơi thuở nhỏ thấy thành ông
Thâu đêm chẳng ngủ lòng thêm bận
Địch thói trắng trong tiếng náo nùng.

(Bản dịch: Quách Tấn)

THĂNG LONG

ĐỊA LINH



Thành Cổ Loa được xây dựng vào thời gian nào?



Cuối thế kỉ 3 trước Công nguyên (TCN), triều đại Vua Hùng suy yếu, Thục Phán lên làm vua và lấy hiệu là An Dương Vương. Ông đã lập ra nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh). Nước Âu Lạc tồn tại trong khoảng thời gian từ năm 208 đến năm 179 TCN⁽¹⁾. Cũng chính trong khoảng thời gian này, An Dương Vương đã cho xây thành Cổ Loa kết cấu theo hình xoáy tròn ốc. Tương truyền thành Cổ Loa có 9 vòng xoáy ốc. Tuy nhiên, hiện nay di tích thành Cổ Loa chỉ còn 3 vòng thành khép kín là Thành Nội, Thành Trung và Thành Ngoài (tính theo thứ tự từ trong ra ngoài). Thành Cổ Loa được nhiều nhà khảo

(1) Theo Đại Việt sử kí toàn thư là từ năm 257 đến 208 TCN.

cổ học đánh giá là “Tòa thành cổ nhất, quy mô lớn vào bậc nhất, cấu trúc cũng thuộc loại độc đáo nhất trong lịch sử xây dựng thành lũy của người Việt cổ”.

Thành Nội hình chữ nhật, chu vi 1.650m, cao trung bình 5m so với mặt đất hiện nay. Mặt thành rộng 6-12m, chân thành rộng 20-30m, mở một cửa trông thẳng vào đình Ngự triều di quy tương truyền là nơi thiết triều của An Dương Vương.

Bao bọc Thành Nội, Thành Trung gồm một vòng thành khép kín, không cân xứng, chu vi 6.500m. Nơi cao nhất là 10m, mặt thành rộng trung bình 10m, chân choãi rộng khoảng 20m, mở 5 cửa (Nam, Đông, Bắc, Tây Bắc, Tây Nam), trong đó cửa Đông mở lối cho nhánh sông Hoàng Giang chảy vào Thành Nội.

Thành Ngoài nay đã bị tàn phá nặng nề, không còn nguyên vẹn. Những đoạn thành còn lại cao trung bình 3-4m, chỗ cao nhất khoảng 8m, chân thành rộng khoảng 12-20m, mở 4 cửa là Nam, Bắc, Đông, Tây Nam. Cửa Nam là chung với Thành Trung, cửa Đông nối với sông Hoàng Giang.

Ngôi làng nào của Hà Nội nổi tiếng về nghề dệt lụa?

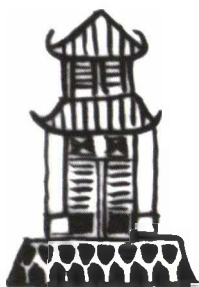
Vùng Hà Đông, từ xa xưa, “bảy làng La, ba làng Mỗ”, đều làm nghề dệt lụa, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là lụa Vạn Phúc. Làng nghề dệt lụa tơ tằm này nay nằm ở phường Vạn Phúc, quận Hà Đông. Đây là một làng



nghề dệt lụa tơ tằm đẹp nổi tiếng từ xa xưa, có nhiều mẫu hoa văn và lâu đời bậc nhất Việt Nam.

Theo truyền thuyết, cách đây khoảng 1.200 năm, bà A Lã Thị Nương, là vợ của Cao Biền theo chồng sang nước Nam cai trị. Bà ở hành cung ngoài thành Đại La và hay đi thăm thú các nơi. Một lần tình cờ đến trang Vạn Bảo (nay là làng Vạn Phúc) thấy dân ở đây tính tình hiền hoà, lại có cảnh đẹp bên dòng sông Nhuệ nên bà ở lại, dạy nhân dân cách làm ăn và truyền nghề dệt lụa. Sau khi mất, bà được phong làm thành hoàng làng. Trải qua bao thế hệ, làng lụa Vạn Phúc vẫn còn lưu giữ được những thủ pháp nghệ thuật truyền thống, trong đó có cách dệt lụa Vân độc nhất vô nhị. Ngày nay lụa Vạn Phúc đã nức tiếng trong và ngoài nước. Lụa Vạn Phúc lần đầu được giới thiệu ra quốc tế là ở hội chợ Marseille năm 1931 và Paris năm 1938, được người Pháp đánh giá là loại sản phẩm tinh xảo của vùng Đông Dương thuộc Pháp. Sau này, lụa Vạn Phúc được xuất khẩu sang rất nhiều nước.

Ngôi chùa cổ nhất của Hà Nội và của nước ta là chùa nào? Chùa này ở đâu? Có đặc điểm gì?



Đó chính là chùa Trấn Quốc thuộc phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Hà Nội. Chùa được xây dựng từ thời Lý Nam Đế, có tên là Khai Quốc, tại thôn Yên Hoa (sau được đổi là Yên Phụ) trên một bãi cạnh sông Hồng. Đến thời vua Lê Thái Tông đổi tên thành chùa An Quốc. Vào thời vua Lê Kính Tông, do bãi sông bị lở, chùa được dời vào một hòn đảo nhỏ trong Hồ Tây gọi là Kim Ngư (đảo Cá Vàng), cũng chính là địa điểm ngày nay của chùa. Nơi này từng được các vua nhà Lý dựng cung Thuý Hoa và vua đời Trần dựng điện Hàm Nguyên dùng làm nơi hóng mát, xem đua thuyền đánh cá. Đến đời vua Lê Hy Tông, chùa mới được gọi là Trấn Quốc.

Chùa Trấn Quốc hiện vẫn còn giữ được lối kiến trúc độc đáo, khác biệt so với nhiều ngôi chùa Việt Nam: phía trước là nhà bái đường, rồi đến nhà tam bảo, phía sau mới là hai dãy hành lang Thập Điện và gác chuông. Trong chùa có một số tượng đẹp như bộ Tam Thế, Phật Thích Ca nhập Niết Bàn bằng gỗ sơn son thếp vàng. Ngoài ra, chùa còn lưu giữ 14 bia, trong đó có nhiều bia cổ có giá trị. Và không thể không kể tới vườn tháp tuyệt đẹp. Chùa Trấn Quốc là một trung tâm Phật giáo và Phật học lớn của Việt Nam, đồng thời cũng là thắng cảnh của Hà Nội.

Đại Việt sử kí toàn thư chép "Nhâm Thìn, Thiệu Phong năm thứ 12 (1352) mùa thu, tháng bảy, nước lớn tràn ngập, vỡ đê xã Bát, Khố, lúa má chìm ngập. Khoái Châu, Hồng Châu và Thuận An bị hại nhất". Xã Bát được nhắc đến ở đây nay là khu vực nào của Hà Nội?

Xã Bát (hay còn gọi là Xã Bát Tràng) chính là tên gọi trước đây của làng gồm Bát Tràng nổi tiếng. Ngày nay, làng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Tương truyền, hơn 700 năm trước, những người dân Bát Tràng di cư từ làng Bồ Bát, Thanh Hoá, theo vua Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long. Đến

vùng đất bồi trên bờ sông Hồng, họ đã quyết định cư trú ở đây, lập ra phường làm nghề gốm gọi là Bạch Thổ Phường (phường Đất trắng). Sở dĩ có tên gọi như vậy là do vùng đất này có nguồn đất sét trắng rất phong phú, cũng là nguồn nguyên liệu tốt để sản xuất đồ gốm. Từ một làng gốm bình thường, dần dần Bát Tràng đã trở thành trung tâm gốm nổi tiếng được triều đình chọn cung cấp đồ cống phẩm cho nhà Minh.

Đến nay, chưa tìm thấy tư liệu lịch sử chính xác nào khẳng định sự hình thành của làng. Chỉ có điều chắc chắn là gốm Bát Tràng xuất hiện từ rất sớm, vào giai đoạn cuối của Văn hoá Hoà Bình đầu Văn hoá Bắc Sơn.

Văn Miếu được xây dựng từ năm nào? Hiện tại, Văn Miếu còn bao nhiêu bia tiến sĩ?

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* có chép: "Mùa thu tháng tám, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối, vẽ tượng Thất thập nhị hiền, bốn mùa cúng tế." Năm 1070, dưới thời vua Lý Thánh Tông, Văn Miếu được khởi công xây dựng, thờ Khổng Tử

và các bậc hiền triết Nho giáo. Sáu năm sau, vua Lý Nhân Tông lập thêm Quốc Tử Giám ở bên cạnh Văn Miếu. Ban đầu, đây là nơi học tập của các hoàng tử và con em quý tộc. Sau đó Quốc Tử Giám đã mở rộng ra, nhận cả các học trò con nhà bình dân. Thời đó, Văn Miếu - Quốc Tử Giám được xem như trung tâm giáo dục của cả nước ta, là trường đại học đầu tiên của kinh đô. Đến thế kỉ 14, Tư nghiệp Quốc Tử Giám Chu Văn An được đưa vào thờ ở đây.

Đến thời vua Lê Thánh Tông, có lệnh cho khắc tên những người thi đỗ tiến sĩ lên bia đá và dựng ở hai bên điện Đại Thành trong Văn Miếu. Năm đầu tiên khắc và dựng bia là năm 1484 nhưng Lê Thánh Tông đã cho khắc tên họ các tiến sĩ từ khoa 1442 trở đi. Tính từ khoa này đến khoa cuối cùng của triều Lê là khoa 1787 có tất cả 117 khoa (và như vậy phải có 117 tấm bia). Nhưng hiện nay trong Văn Miếu chỉ còn 82 tấm bia. Những tấm khác có thể đã bị phá huỷ trong những thời kì Thăng Long có loạn lạc và chiến tranh. Vào 9-3-2010, UNESCO đã chính thức công nhận 82 tấm bia tại Văn Miếu là Di sản Tư liệu Thế giới.

Nơi nào ghi dấu huyền thoại về việc Lê Thánh Tông (1460-1497) gặp tiên?

Đền Vọng Tiên, ở số nhà 120B phố Hàng Bông ngày nay là nơi ghi dấu huyền thoại về cuộc kì ngộ giữa vua Lê Thánh Tông (1460-1497) và tiên nữ. Các sách *La Thành cổ tích vịnh*, *Thăng Long cổ tích khảo*, *Bích Câu kì ngộ* đều có ghi: Vua Lê Thánh Tông trong một lần tình cờ vãn cảnh chùa Ngọc Hồ, bỗng nhìn thấy người con gái đẹp tuyệt trần đang ngồi ở gác chuông ngâm thơ. Vua cùng xướng họa:

*"Chày kình mấy khắc tan niềm tục
Hồn bướm ba canh lẩn sự đời"*

Nàng liền sửa lại rằng:

*"Gió xuân thông đạo tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời"*

Nhà vua lấy làm cảm phục, mời nàng lên xe loan đưa về cung. Nhưng vừa đi đến cửa Đại Hưng thì nàng đột nhiên biến mất. Vua cho là mình đã gặp tiên nữ giáng trần nên đã cho xây một lầu cao ở chỗ đó và gọi là lầu Vọng Tiên. Theo sách *Long Biên bách nhị vịnh* thì *"Lầu Vọng Tiên ở cách cửa Đại Hưng 100 bước về phía trước. Đến*

đời Gia Long xây thành mới⁽¹⁾ thì cửa Đại Hưng và lầu này bị dỡ bỏ... Như vậy, đền Vọng Tiên ngày nay có thể được xây dựng từ sau khi xây lại thành Thăng Long (vào khoảng sau năm 1805).

Y Miếu của Hà Nội ở đâu và thờ ai?



Nói đến Thăng Long - Hà Nội, người ta thường nhắc ngay tới Văn Miếu nổi tiếng. Nhưng ít người biết rằng cách Văn Miếu

(1) Thực chất là thu nhỏ lại Thăng Long để không bằng kinh đô nhà Nguyễn ở Phú Xuân.

không xa chính là nơi toạ lạc của Y Miếu. Được xây dựng vào cuối thế kỉ 18 (đời vua Lê Hiến Tông), trên khu đất của Thái Y viện, Y Miếu Thăng Long (hay còn gọi là Y Miếu) thờ những ông tổ nghề y theo thần thoại Trung Hoa là Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, các vị y thánh như Đại y Thiên sư Tuệ Tĩnh và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác.

Ngày nay, Y Miếu nằm ở số 9 phố Y Miếu, đã được xếp hạng di tích lịch sử.

Xưa kia, chúa Trịnh Giang đã cho xây cung điện Trúc Lâm bên bờ một hồ ở thành Thăng Long. Đó là hồ gì?

Hồ được nhắc đến ở đây chính là hồ Trúc Bạch. Chúa Trịnh Giang (còn gọi Uy Nam Vương Trịnh Giang, là vị chúa Trịnh thứ bảy thời Hậu Lê - Lê Trung Hưng) đã cho xây một cung điện bên cạnh hồ lấy tên là Trúc Lâm. Sau này, cung điện trở thành nơi giam giữ các cung nữ phạm tội. Những cung nữ này lấy nghề dệt lụa để sinh sống. Lụa họ dệt ra rất đẹp, được người dân ưa dùng và gọi là lụa làng Trúc (chữ Bạch theo Hán tự

có nghĩa là *lựa*). Dần dà sau đó mà thành tên hồ: Trúc Bạch. Hồ có một đảo nhỏ, trên có đền Cầu Nhi, tương truyền có từ thời Lý.

Về tự nhiên, hồ Trúc Bạch vốn là một phần của Hồ Tây. Đến thế kỉ 17, do đắp đê Cổ Ngự mà hồ bị tách ra. Đê Cổ Ngự sau đọc chệch là Cổ Ngự. Năm 1958, các tầng lớp thanh niên Thủ đô đã tham gia đắp rộng đường này. Ngày 16-10-1958, Bác Hồ đến thăm công trường và đặt tên là đường Thanh Niên.

Thành cổ Sơn Tây được xây dựng vào thời gian nào? Có đặc điểm gì?

Được xây từ năm 1822 dưới triều vua Minh Mạng, Thành cổ Sơn Tây được thiết kế dựa trên lối kiến trúc Vauban (lấy theo tên một kĩ sư quân sự Pháp tài năng sống giữa hai thế kỉ 17, 18, nổi tiếng với kĩ thuật xây thành phòng thủ cũng như công thành). Thành cổ Sơn Tây đồng thời từng là thủ phủ của ba tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang. Tường thành bằng đá ong chạy theo

đường gãy khúc, nhưng tổng thể có hình vuông, mỗi cạnh dài khoảng 400m, diện tích khoảng 16ha, chiều cao tường thành khoảng 5m. Ngoài thành là hào nước sâu 3m, rộng tới 20m và dài khoảng 1.795m, được nối ra sông Tích Giang tại góc thành phía Tây Nam (bởi cổng Ba Quân), bốn mặt thành có các cổng vòm bằng gạch. Thành có 4 cửa quay ra các hướng Bắc (chính xác là hướng Bắc Đông Bắc), Nam, Tây, Đông, và lần lượt có tên là: cửa Hậu, cửa Tiền, cửa Hữu, cửa Tả. Hai cửa chính là cửa Tiền và cửa Hậu, có cầu bắc qua hào nước, dẫn vào cổng thành. Trục kiến trúc chính của thành là trục nối hai cửa Tiền và Hậu, theo hướng Bắc Đông Bắc - Nam Tây Nam. Cửa Tiền nhìn ra phố Quang Trung. Cửa Hậu hướng ra phố Lê Lợi. Cửa Tả nhìn ra chợ Nghệ. Cửa Hữu hướng ra phố Trần Hưng Đạo.

Ngày nay, toà thành này vẫn còn tồn tại ở trung tâm thị xã Sơn Tây, Hà Nội và trở thành một di tích lịch sử và kiến trúc quân sự dù đã bị hư hỏng nhiều.

Nơi nào tại Hà Nội từng là nơi giam giữ những tù chính trị yêu nước đứng lên chống lại chính quyền thuộc địa Pháp trước kia?



Đó chính là di tích Nhà tù Hoả Lò nằm ở số 1 phố Hoả Lò, quận Hoàn Kiếm ngày nay. Nhà tù này được thực dân Pháp xây dựng năm 1896, là nơi giam giữ những tù chính trị yêu nước, đứng lên đấu tranh chống chế độ thực dân Pháp. Ban đầu, nó có tên là Đền Lao Trung ương (Maison Centrale), nhưng do được xây trên đất của làng Phụ Khánh, một làng nghề chuyên sản xuất đồ gốm, ngày đêm rực lửa lò nung, vì thế người dân

quen gọi là Nhà tù Hoả Lò. Nhà tù Hoả Lò là công trình kiên cố vào loại bậc nhất Đông Dương, nó giống như một địa ngục trần gian, bao quanh nhà tù là bức tường bằng đá, cốt thép vô cùng kiên cố, cao đến 4m, dày 0,5m, trên đó còn có cắm những mảnh chai và chằng dây thép gai có dòng điện cao thế chạy qua, bốn góc là những tháp canh có khả năng quan sát nhất cử nhất động toàn bộ trại giam. Về sau, đặc biệt là trong thời kì Mĩ ném bom Hà Nội, đây là nơi các tù binh phi công Mĩ nhảy dù sống cho đến sau Hiệp định Paris 1973 và được gọi vui bằng cái tên "Hilton Hanoi". Trong các tù binh Mĩ từng sống tại Hoả Lò, nổi tiếng nhất là thượng nghị sĩ Mĩ John McCain. Ngày nay, Hoả Lò chỉ còn lại một góc nhỏ làm nơi tham quan cho du khách, khu vực còn lại là cao ốc thương mại Tháp Hà Nội.

Nhà hát Lớn Hà Nội có lịch sử và kiến trúc như thế nào?

Nhà hát Lớn Hà Nội do chính quyền thực dân Pháp xây dựng tại Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ 20 trên Quảng trường Cách

mạng tháng Tám, ở ngã 6 của đường Tràng Tiền - Phan Chu Trinh; Hai Bà - Ngô Quyền và Lý Thái Tổ - Lê Thánh Tông gần hồ Hoàn Kiếm và Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ban đầu, chỉ có những gánh hát phương Tây mới được đến đây biểu diễn cho các quan chức Pháp và giới thượng lưu Việt Nam thời đó xem. Nhưng sau này, nơi đây trở thành một trong các trung tâm văn hoá của thủ đô Hà Nội, nơi diễn ra thường xuyên các hoạt động văn hoá, biểu diễn nghệ thuật, ca múa nhạc, hoà nhạc, giao lưu... Không chỉ là không gian văn hoá, Nhà hát Lớn còn diễn ra những sự kiện chính trị trọng đại của cả nước.

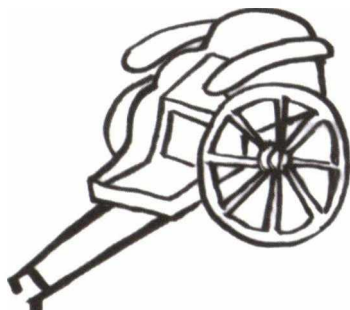
Nhà hát Lớn được khởi công xây dựng ngày 7 tháng 6 năm 1901, hoàn thành năm 1911, được thiết kế theo phong cách kiến trúc cổ điển Châu Âu (thời Phục Hưng), do các kiến trúc sư người Pháp Broyer và thanh tra đô thị, kiến trúc sư Harlay. Phụ trách thi công chính là Travary và Savelon. Người ta còn gọi Nhà hát Lớn là một phiên bản nhỏ hơn của Opéra Garnier ở Paris.

Nhà hát Lớn chiếm diện tích 2.600m², chiều dài 87m, chiều rộng 30m, đỉnh so với mặt đường là 34m. Bên trong Nhà hát có

sân khấu rất rộng và bề thế, phòng khán giả chính có diện tích 24x24m, chứa được 870 chỗ ngồi.

Khách sạn 5 sao đầu tiên tại Hà Nội và cũng là nơi nhiều nguyên thủ, đại sứ và nhiều nhân vật nổi tiếng các nước tới nghỉ chân là khách sạn nào?

Đó chính là khách sạn Sofitel Metropole, mang phong cách kiến trúc cổ kính của thời Pháp thuộc nằm trên phố Ngô Quyền, Hà Nội. Khách sạn được xây dựng năm 1901 bởi hai nhà đầu tư người Pháp, tọa lạc gần hồ Hoàn Kiếm và Nhà hát Lớn tráng lệ. Đây từng là nơi nhiều nguyên thủ, đại sứ và nhiều nhân vật nổi tiếng các nước tới nghỉ chân.



Thư viện Quốc gia nằm ở đâu và có lịch sử như thế nào?

Thư viện Quốc gia Việt Nam (tên giao dịch quốc tế: National Library of Vietnam - NLV) nằm trên phố Tràng Thi và có một cổng lớn mở ra hướng đường Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Năm 1917, Toàn quyền Đông Dương, chấp nhận kế hoạch của P. Boudet, đã cho thành lập Thư viện Trung ương Đông Dương nhằm mục đích củng cố sự thống trị, truyền bá văn hoá Pháp và văn hóa phương Tây, cũng như đưa công tác phát triển văn thư lưu trữ, thư viện của Pháp vào nề nếp ở Đông Dương. Sau hai năm xây dựng, ngày 1-9-1919, thư viện đã chính thức mở cửa.

Những ngày đầu tiên, Thư viện có tên gọi là Thư viện Trung ương Đông Dương hay còn gọi là Thư viện Trung ương trực thuộc Nha Lưu trữ hay Thư viện Đông Dương.

Đến năm 1935, Thư viện được đổi tên thành Thư viện Pierre Pasquier (một người Pháp có nhiều đóng góp cho Thư viện).

Sau Cách mạng tháng Tám, Thư viện được đổi tên thành Quốc gia Thư viện (Thư

viện toàn quốc). Sau ngày 10-10-1954 thư viện mang tên Thư viện Trung ương Hà Nội và cho tới ngày 21-11-1958, Thư viện được chính thức mang tên Thư viện Quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa.

Có phải Hà Nội từng có một ngôi chợ gọi là chợ Âm Phủ?

Âm Phủ là tên gọi không chính thức chỉ chợ xưa kia họp hàng ngày trên suốt chiều dài phố 19 tháng 12 - một con phố ngắn nằm cạnh Tòa án Nhân dân Hà Nội, một đầu nối với phố Lý Thường Kiệt, đầu kia nối sang phố Hai Bà Trưng. Sở dĩ gọi như vậy vì nơi đây đã từng là khu mộ tập thể của các nạn nhân chết trong khu vực Hàng Bông - Cửa Nam vào những năm 1946-1947, khi Toàn quốc Kháng chiến diễn ra ở Hà Nội. Từ những năm 1960, rải rác có một số người buôn bán dạt từ chợ Hàng Da và Hàng Bè về để tránh bom Mĩ, hình thành nên chợ. Năm 1986, sau khi di cốt nạn nhân chiến tranh được chuyển đi, phố được đặt tên mới là phố 19 tháng 12 để kỉ niệm ngày Toàn

quốc Kháng chiến và tưởng niệm các nạn nhân chiến tranh trong thời gian đó. Tuy hồi đó chợ đã có tên chính thức là chợ 19 tháng 12, nhưng mọi người vẫn quen gọi là chợ Âm Phủ. Cuối năm 2008, chợ này được giải phóng và mở thành đường 19 tháng 12.

Dòng sông nào của Thăng Long - Hà Nội gắn với truyện cổ dân gian về Trâu Vàng và thiền sư Nguyễn Minh Không? Dòng sông này có đặc điểm gì?

Sông Kim Ngưu chính là dòng sông gắn với truyện cổ dân gian về Trâu Vàng và thiền sư Nguyễn Minh Không. Truyện cổ tích kể rằng Trâu Vàng nhà Tống (Trung Quốc) khi nghe thấy tiếng chuông đồng đen của thiền sư Nguyễn Minh Không ở nước Nam thì lầm tưởng là tiếng trâu mẹ gọi nên chạy sang. Đường nó chạy lún xuống thành sông Kim Ngưu. Khi Trâu Vàng chạy đến phía Tây thành Thăng Long thì tiếng chuông dứt, nó liền xới đất tung lên để tìm mẹ làm đất ở chỗ đó sụt xuống thành hồ Kim Ngưu, tức Hồ Tây ngày nay. Theo sách

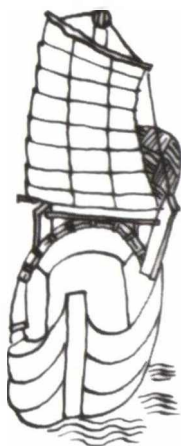
Đại Nam nhất thống chí thì sông Kim Ngưu là một nhánh của sông Tô Lịch từ phường Yên Lãng chảy theo đường La Thành qua cổng Nam Đồng (Ô Chợ Dừa), Phương Liệt (quận Đống Đa), tới xã Thịnh Liệt thông với sông Sét, qua các xã Yên Sở, Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp, Đông Mĩ (huyện Thanh Trì) rồi chảy vào huyện Thường Tín, nhập vào sông Nhuệ. Nhưng đây chỉ là nhánh chính, còn có nhiều nhánh phụ khác chảy trong quận Hai Bà Trưng và huyện Thanh Trì, song tác dụng chủ yếu ngày nay là đường thoát nước thải của nội thành.

Nhuệ Giang còn có tên gọi khác là gì?

Đặc điểm của dòng sông này như thế nào?

Nhuệ Giang tức sông Nhuệ còn được gọi là sông Từ Liêm. Khu vực gần đầm Bát Lang, xã Hạ Mỗ (Đan Phượng) là nơi đầu mối chuyển nước sông Hồng vào sông Nhuệ. Từ đó, sông chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, nhưng đoạn này bị cạn, chia thành nhiều khúc nên đầu thế kỉ 20, thực dân Pháp đã cho đào kênh từ chỗ giáp

ranh hai làng Liên Mạc - Chèm xuống tận Cổ Nhuế rồi nhập vào dòng Nhuệ cũ. Nay sông Nhuệ từ cửa Liên Mạc tới tận Phủ Lý rồi hoà nước vào sông Đáy. Đoạn chảy qua địa phận Hà Nội dài gần 70km. Các làng ven sông đều có truyền thống bơi thuyền giỏi, thường mở hội đua chài vào mùa xuân. Trung tâm của hội bơi thuyền tại Hà Nội là làng Đăm, nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm.



Do nước thải công nghiệp và sinh hoạt, dòng sông Nhuệ ngày nay đã bị ô nhiễm nghiêm trọng. Đi từ cầu Diễn ngược dòng sông, có thể nhìn thấy dòng nước đỏ ngầu mang nhiều phù sa, song khi đến địa phận sông chảy qua các huyện Thường Tín, Phú Xuyên thì dòng nước đen đặc, mùi bốc lên khó chịu, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân sống xung quanh.

Cây cầu Thanh Trì là cây cầu như thế nào?

Cầu Thanh Trì là cây cầu thép dự ứng lực và bê tông lớn trong dự án 7 cây cầu của Hà Nội bắc qua sông Hồng. Dự án cầu Thanh Trì được khởi công từ năm 2002. Cây cầu này bắt đầu từ điểm cắt quốc lộ 1A tại Pháp Vân (Thanh Trì), điểm cuối cắt quốc lộ 5 tại



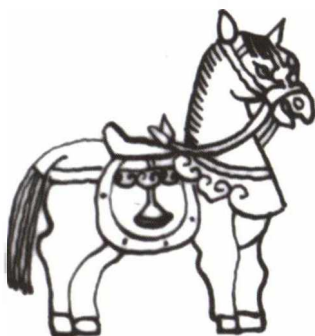
Sài Đồng (Gia Lâm). Cầu Thanh Trì có trọng tải H30 - XB80 (tức là xe tải bánh lốp có tải trọng dưới 30 tấn cũng như xe bánh xích có tải trọng dưới là 80 tấn thì đạt điều kiện về tải trọng để qua cầu). Cầu chính dài 3.084 m với tổng chiều dài hơn 12.000 m, rộng 33,10 m với 6 làn xe chạy (trong đó có 4 làn xe cao tốc), tốc độ cho phép 100 km/h. Ngày 02 tháng 02 năm 2007 cầu được thông xe. Dự án cầu Thanh Trì có tổng mức đầu tư 5.700 tỉ đồng (tương đương 410 triệu USD), sử dụng vốn vay ODA, chủ đầu tư là Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam, còn Ban quản lý dự án Thăng Long làm đại diện chủ đầu tư.

THĂNG LONG NHÂN KIỆT



Người Việt Nam đầu tiên sử dụng vũ khí bằng sắt để đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước là ai?

Đó chính là Thánh Gióng, một trong bốn vị thánh bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, quê ở làng Gióng tức Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội ngày nay. Tục truyền vào đời Hùng Vương thứ sáu, Thánh Gióng được hoài thai khi mẹ vô tình ướm thử vết chân lạ ở ngoài đồng. Sau khi được sinh ra, đã ba tuổi vậy mà Gióng vẫn chưa biết nói cười, đặt đâu nằm đấy. Thế nhưng khi nghe thấy sứ giả loan tin nhà vua muốn tìm người tài



giỏi đẹp giặc Ân đến xâm lăng bờ cõi, Gióng bỗng vụt ngồi dậy và nói với mẹ cho mời sứ giả vào. Gióng xin đúc cho mình một con ngựa sắt, một áo giáp sắt và một chiếc roi sắt. Gióng đã ăn hết ba nong cơm và một nong cà rồi đứng dậy, vươn vai trở thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Mặc áo giáp sắt, cưỡi trên lưng ngựa sắt, tay cầm roi sắt, Gióng đã nhảy lên mình ngựa đi đánh giặc. Sau khi đánh tan giặc Ân, Gióng phi ngựa lên núi Sóc (nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội), bỏ áo giáp lại rồi bay lên trời.

Ngay từ thuở các vua Hùng dựng nước, đất Hà Nội cổ đã xuất hiện một anh hùng văn hoá⁽¹⁾ mà tên tuổi vang dội cả ngoài nước Văn Lang. Vị anh hùng đó là ai?

Theo truyền thuyết, Lý Ông Trọng là một người có tầm vóc khổng lồ “bề cao hai trượng, bề dày mười gang”, quê ở Kẻ Chèm. Tương truyền ông thường giúp Sơn Tinh giăng lưới sắt trên sông Nhị để trừ loài thủy tộc trong cuộc chiến đấu với Thủy Tinh.

(1) Là những vị anh hùng được thần thánh hóa.

Đến đời Thục Phán An Dương Vương, Ông Trọng trở thành một tướng giỏi phò tá nhà vua. Vua Thục cử Ông Trọng đi sứ nước Tần (Trung Quốc). Bấy giờ mạn Bắc nước Tần thường bị quân Hung Nô đánh phá. Biết Ông Trọng là tướng tài của nước Âu Lạc sang, vua Tần nhờ Ông Trọng trừ giặc Hung Nô. Quân Hung Nô bị Ông Trọng đập tan. Vua Tần khâm phục, phong tước và thưởng cho Ông Trọng rất hậu, hứa gả công chúa cho ông và muốn lưu ông lại đất Tần lâu dài. Nhưng Ông Trọng nhớ quê nên xin vua Tần cho về nước. Biết tin Ông Trọng đã về nước, giặc Hung Nô lại đến đánh nước Tần. Vua Tần sai sứ sang Âu Lạc mời Ông Trọng nhưng Ông Trọng không muốn đi nữa. Vua Thục đành nói dối với sứ Tần là Ông Trọng đã mất. Vua Tần đã cho đúc một pho tượng đồng khổng lồ giống hình Ông Trọng đặt ở cửa Kim Mã, thành Hàm Dương. Trong bụng tượng để rỗng, chứa rất nhiều người, có máy giạt cho chân tay cử động như thật. Giặc Hung Nô thấy vậy tưởng Ông Trọng lại sang Tần nên không dám quấy nhiễu nữa. Cũng từ đó, người phương Bắc thường gọi những pho tượng lớn là “Ông Trọng”.

Cùng thời với Ông Trọng, vùng đất Hà Nội cổ còn có Ông Nỏ, một nhân vật tài ba lỗi lạc. Ông Nỏ là ai?

Ông Nỏ là tên gọi dân gian của Cao Lỗ, một nhân vật gắn liền với truyền thuyết nỏ thần, An Dương Vương và thành Cổ Loa. Cao Lỗ là người phò trợ Thục Phán và cũng là người khuyên ông dời đô xuống vùng đồng bằng. Cao Lỗ tích cực đi tìm đất đóng đô và giúp vua trông nom việc xây dựng đô thành Cổ Loa. Quan trọng hơn, chính Cao Lỗ đã sáng chế ra nỏ liên châu, bắn một lần được nhiều phát với những mũi tên đều bịt đồng sắc nhọn mà dân gian vẫn gọi là "Nỏ thần". Ông được vua tin cậy, cử làm tướng trấn giữ cửa bắc. Khi Triệu Đà đem quân xâm lược, bị nỏ thần bắn như mưa, quân Triệu Đà chết như rạ. Nhưng sau đó, Triệu Đà đã



dùng mưu giả vờ cầu hoà, cho con trai Trọng Thuỷ cầu hôn với Mị Châu để đánh cắp bí mật vũ khí. Ông Nỏ đã can gián nhưng An Dương Vương không nghe, đã vậy còn theo lời gièm pha mà đối xử lạnh nhạt khiến Cao Lỗ phải bỏ đi. Quả nhiên sau này, khi Trọng Thuỷ đánh cắp được bí mật, Triệu Đà đã đem quân đánh Cổ Loa. Vua Thục không chống đỡ được đành bỏ thành mà chạy. Bây giờ ông Nỏ nghe tin cũng trở về cứu vua nhưng thế trận đã tan vỡ, không thể vãn hồi. Ông Nỏ hi sinh anh dũng trên mảnh đất kinh thành mà ông đã bỏ bao công lao và tâm huyết để xây dựng, giữ gìn.

Vào thế kỉ thứ 6, khi Lý Bí phát cờ khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Lương, nhân dân khắp mọi nơi đã nhiệt liệt hưởng ứng. Một người quê ở thôn Văn, xã Quang Liệt (nay là Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội) đã gia nhập quân khởi nghĩa và trở thành một võ tướng chủ chốt của quân khởi nghĩa. Người đó là ai?

Đó chính là Phạm Tu. Ông là người có sức khoẻ phi thường, giỏi võ, giỏi vật (nên nhân dân gọi là Đô Tu). Ông sớm có lòng yêu nước, căm ghét bọn giặc đô hộ. Tương truyền, khi Lý Bí khởi quân, Phạm Tu đã 66 tuổi nhưng ông vẫn hăng hái tham gia. Ông là một tướng tài, có những đóng góp xuất sắc vào thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Sau đó, ông cùng với các tướng tài khác như Tinh Thiều, Triệu Túc giúp Lý Bí xây dựng chính quyền tự chủ còn non trẻ, lập ra nước Vạn Xuân. Năm 543, ông cầm quân đánh dẹp quân Lâm Ấp, bảo vệ bờ cõi phía Nam. Năm 545, nhà Lương kéo đại binh sang xâm lược nhằm một lần nữa áp đặt ách đô hộ trên đất nước ta. Trong trận chiến đấu diễn ra ở miền cửa sông Tô Lịch, do quân ít, thành lũy lại vừa mới dựng bằng tre gỗ nên dù lão tướng Phạm Tu cùng quân sĩ chống cự quyết liệt, cuối cùng thành vẫn bị vỡ. Phạm Tu anh dũng hi sinh. Tướng nhớ công ơn người anh hùng, dân làng Thanh Liệt đã lập đền thờ ông. Hằng năm vào ngày 20 tháng bảy, nhân dân trong vùng tổ chức lễ cúng tế rất trang trọng.

Tương truyền, tại chỗ đầu phố Giảng Võ, đoạn gần bến xe Kim Mã, xưa kia có một ngôi mộ, trên bệ thờ có ghi “Phùng Vương cố lăng” (lăng cũ của Vua Phùng). Vua Phùng là ai?

Vua Phùng chính là Phùng Hưng, quê ở Đường Lâm (Ba Vì, Hà Nội), là dòng dõi quan lang, có uy tín lớn với nhân dân trong vùng. Vào năm 770, ông phát cờ khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Đường. Cuộc chiến tranh giải phóng này phát triển gần ba mươi năm, tới năm 798 thì đại quân kéo về bao vây Tống Bình (Hà Nội ngày nay). Tướng giặc giữ thành khi ấy là Cao Chính Bình sợ quá sinh bệnh mà chết. Phùng Hưng vào phủ thành, tổ chức việc cai trị trong cả nước. Tiếc rằng mới được 7 năm, công việc đang trên đà tiến triển thì ông mắc bệnh qua đời. Nhân dân thương tiếc, tôn xưng ông là Bồ Cái Đại Vương, có ý ví ông như bậc cha mẹ suốt đời lo toan cho con dân. Tại đầu phố Giảng Võ, gần bến xe Kim Mã ngày nay có một bệ thờ ghi “Phùng Vương cố lăng” và nhiều nhà nghiên cứu nhận định rằng nơi

này chính là khu vực có mộ của ông. Nhiều làng ven đô và một số phường nội thành Hà Nội vẫn còn đền thờ Phùng Hưng.

Người đã lập nên chiến thắng Bạch Đằng lịch sử, chấm dứt một ngàn năm thống trị của phong kiến phương Bắc và mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc Việt Nam là ai?

Người đó chính là Ngô Quyền, quê ở Đường Lâm (huyện Ba Vì, Hà Nội). Buổi đầu, Ngô Quyền vào Châu Ái (Thanh Hoá) theo



Dương Đình Nghệ. Ông được Dương Đình Nghệ tin yêu và gả con gái cho. Năm 931, Dương Đình Nghệ đem quân đánh thành Đại La, đuổi bốn quan đô hộ nhà Nam Hán, giành được quyền tự chủ, tự xưng là Tiết độ sứ. Nhưng tới năm 937, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn sát hại và cướp quyền. Nghe tin, Ngô Quyền đã từ Châu Ái đem quân ra hỏi tội tên phản bội. Kiều Công Tiễn đã cầu cứu nhà Nam Hán. Cuối năm 938, Hoàng Thao, con của vua Nam Hán đã đưa thủy quân sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền đã cho đóng cọc đầy lòng sông Bạch Đằng lập trận địa ngầm chờ giặc. Khi quân Nam Hán tới, Ngô Quyền đã tiêu diệt gọn quân thù. Hoàng Thao cũng chết ở khúc sông này. Với chiến thắng Bạch Đằng, Ngô Quyền đã chấm dứt một ngàn năm thống trị của phong kiến phương Bắc và mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc Việt Nam. Sau khi đánh tan giặc, Ngô Quyền đã xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) và lập nên một vương triều độc lập.

Trên một tấm bia đá trong ngôi chùa cổ (Chùa Linh Xứng thế kỉ 12) có khắc những dòng thơ sau:

*“Ông Lý nước Việt
Noi dấu tiền nhân
Cầm quân tất thắng
Trị nước yên dân
Danh lừng cõi bắc
Tiếng nước gần xa...”*

Ông Lý được nhắc đến trong những dòng văn bia này là nhân vật lịch sử nào?

Bài thơ trên kể về sự nghiệp của người anh hùng Lý Thường Kiệt. Trải qua ba triều vua Lý (từ thời Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông đến Lý Nhân Tông), ông đã có nhiều cống hiến cả về văn trị lẫn võ công cho đất nước. Khi giặc Tống lăm le xâm lược Đại Việt, Lý Thường Kiệt với tư cách là nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc đã chủ trương tiến công để tự vệ. Một mặt ông đem quân tiêu diệt các căn cứ xâm lược của kẻ thù ngay trên đất địch, mặt

khác ông bố trí phòng tuyến sông Cầu vững chắc để ngăn chặn địch từ xa, nhằm bảo vệ kinh thành Thăng Long và vùng đồng bằng. Vào lúc đánh địch gay go nhất, ông đã mưu trí dùng bài thơ *Nam quốc sơn hà* giả lời thần để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân ta. Nhờ đó, khí thế quân ta đã phấn chấn hẳn lên và đánh cho giặc Tống phải giẫm đạp lên nhau mà chạy tan tác. Sau khi chiến thắng quân Tống, Lý Thường Kiệt cũng phò trợ triều đình giúp vua Lý Nhân Tông ổn định và xây dựng vương triều.

Vào thời Lý, trong một chuyến đi về kinh Bắc, có một vị vua đã gặp một cô gái đứng tựa lưng vào gốc cây lan. Cô gái được vua đưa về cung và sau này trở thành một nhân vật nổi tiếng, làm được nhiều việc ích quốc lợi dân. Đó là ai?

Đó chính là nguyên phi Ý Lan. Chuyện xưa kể rằng, vua Lý Thánh Tông đã ngoại tứ tuần mà chưa có con nối dõi. Một lần, vua đi cầu tự ở chùa Dâu bên Bắc Ninh trở về



qua làng Sủi, nhân dân quanh vùng được tin đều đổ xô ra hai bên đường đón xem đám rước vua. Duy chỉ có một cô gái nghèo làng Sủi vẫn cắm cúi cắt cỏ trong ngàn dâu. Mãi đến khi xa giá sắp tới gần, cô mới đứng đĩnh bước lên một gò đất ven đường, đứng tựa lưng vào gốc cây lan và hát một câu rằng:

"Tay cầm bán nguyệt xênh xang

Một trăm thức cở lai hàng tay ta!"

Thấy cô thôn nữ xinh đẹp mà có tài ăn nói, nhà vua hài lòng, đưa về cung và đặt tên là Ý Lan phu nhân. Ý Lan sinh được một con trai khôi ngô là thái tử Càn Đức. Khi Lý Thánh Tông đi đánh giặc phương Nam, nguyên phi Ý Lan được ủy thác thay vua coi việc nước.

Bà đã làm được nhiều việc ích quốc lợi dân như khuyến khích việc nông tang, nghiêm cấm việc lạm sát trâu bò, trừng phạt nghiêm khắc tệ nạn tham nhũng, bỏ tiền quốc khố ra chuộc những cô gái nghèo đi ở đợ và gả chồng cho họ. Sau khi Lý Thánh Tông mất, giặc Tống xâm lược nước ta, Ý Lan đã cùng Lý Thường Kiệt và Lý Đạo Thành hết lòng lo việc trị quốc và chống quân Tống xâm lược.

Đức thánh Láng là ai?

Đó là tên suy tôn thiền sư Từ Đạo Hạnh. Ông sinh ở Kẻ Láng, là con của Từ Vinh và bà Tăng Thị Loan. Tên thật của thiền sư là Từ Lộ, tục gọi là Ông Từ. Dân gian kể rằng, thuở niên thiếu, Từ Lộ thích giao du, tính tình phóng khoáng, có chí lớn. Từ Lộ có mối thù sát phụ với pháp sư Đại Diên (người làng Vòng - Dịch Vọng), kẻ đã giết cha ông và ném xác xuống sông Tô. Lòng đầy căm giận nhưng sức chưa đủ để đánh bại kẻ thù nên Từ Lộ tầm sư học đạo. Trải qua muôn ngàn khó khăn, ông cũng đạt ý nguyện, học được phép lạ và trở về. Nhưng Từ Lộ chưa trả thù ngay mà về núi Thầy (Sài Sơn, Quốc Oai) tu

luyện thêm một thời gian nữa và lấy hiệu là Đạo Hạnh. Tới lúc phép thuật tinh thông, ông mới đi gặp Đại Diên. Tới cầu Yên Quyết, Từ Lộ ném gậy xuống sông. Gậy chạy ngược dòng như bay tới cầu Tây Dương thì dừng lại. Mọi người thấy lạ chạy ra xem, trong đó có Đại Diên. Cây gậy bỗng vọt lên quật vào đầu Đại Diên, hấn về đến nhà thì chết. Trả xong thù cho cha, Từ Lộ về tu ở Chùa Thầy, làm nhiều việc nghĩa, chữa khỏi nhiều bệnh cho người dân trong vùng. Dân chúng khắp nơi mang ơn ông. Từ Đạo Hạnh hoá thân trong núi Thầy (hang Thánh Hoá). Tương truyền, sau ông đầu thai làm con Sùng Hiền Hầu và trở thành vua Lý Thần Tông.

Vào thời Lý, có một nhà sư có tài chữa bệnh và được dân đức đồng Ngũ Xã, Lò Đúc của Thăng Long cùng nhiều nơi khác suy tôn là sư tổ của mình. Người đó là ai?

Vị sư ấy là Nguyễn Minh Không. Ông vốn sống ở Thăng Long, y thuật cao minh, từng chữa khỏi bệnh cho vua Lý Thần Tông và



được phong làm Quốc sư. Truyền dân gian đời Lý đã đồng hoá ông với nhân vật ông Khổng Lồ chinh phục tự nhiên, sáng tạo văn hoá trong thần thoại Việt cổ. Chuyện kể rằng ông là nhân vật khổng lồ đã lập nhiều kì tích chinh phục tự nhiên. Ông từng ném những tảng đá lớn làm kè đập, đê điều ngăn nước lụt. Ông lại làm ra cả sấm chớp, mưa gió để chống hạn cho dân... Thậm chí có lần đi sứ, chỉ cần một chiếc túi ba gang mà ông chứa được cả mười kho đồng của Bắc quốc. Ông đã dùng cái nón đội đầu làm thuyền chở luôn số đồng ấy về nước rồi đúc thành những quả chuông lớn cho nhiều ngôi chùa. Ở vùng Hồ Tây cũng có một quả chuông, khi đánh lên tiếng vang xa đến nỗi Trâu Vàng nhà Tống (Trung Quốc) nghe thấy ngỡ là mẹ gọi mà chạy lồng sang nước Nam. Ông

cũng chính là người tạo nên “Tứ đại khí” nổi tiếng ở nước ta thời nhà Lý là tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, tượng Phật Quỳnh Lâm và vạc Phổ Minh. Nguyễn Minh Không được các làng nghề đúc đồng suy tôn là ông tổ của nghề đúc đồng.

“Làm điều bất nghĩa để được giàu sang, người trung thần nghĩa sĩ lẽ nào vui theo!”
là câu nói của ai? Cuộc đời và sự nghiệp của vị danh nhân này như thế nào?

Câu nói bất khuất ấy là của Tô Hiến Thành, vị đại thần trung liêm, chính trực dưới hai triều vua. Ông là người làng Hạ Mỗ (nay thuộc huyện Đan Phượng, Hà Nội), sống vào khoảng thế kỉ 12. Dưới thời vua Lý Anh Tông (1138 - 1175), ông lập nhiều công trong các lần đánh dẹp các cuộc xâm lấn biên giới phía tây và phía nam. Cuối đời, ông được cử giữ chức Thái uý đứng đầu triều đình. Suốt mấy chục năm cầm quyền chính, ông chăm lo việc nước, bảo vệ biên cương, làm cho nước mạnh dân yên. Năm 1175, vua Lý Anh Tông mất. Tô Hiến Thành theo di chiếu lập Lý Long Cán mới ba tuổi

lên ngôi vua. Thái hậu đem vàng biếu vợ ông để xin lập con mình là Long Xưởng, vốn là thái tử nhưng vì có lỗi nên đã bị phế truất. Tô Hiến Thành không nghe, nói rằng: *"Làm điều bất nghĩa để được giàu sang, người trung thần nghĩa sĩ lẽ nào vui theo!"* Lý Long Cán lên ngôi, trở thành vua Lý Cao Tông. Tại làng Hạ Mỗ ngày nay vẫn còn ngôi đền thờ Tô Hiến Thành.

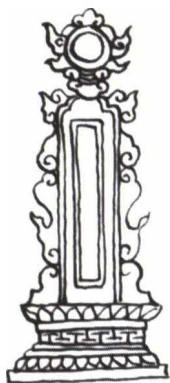
Đời nhà Lý, chỉ có bốn người được Phan Huy Chú xếp vào loại "Những người phò tá có công lao tài đức". Bên cạnh Tô Hiến Thành, còn có một người Hà Nội thường được nhắc đến nữa là ai? Cuộc đời và sự nghiệp của ông như thế nào?

Người đó chính là Quốc sư phụ chính Đỗ Kinh Tu. Ông là người làng Hậu Ái (nay thuộc xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội) và là thầy dạy của vua Lý Huệ Tông. Thái hậu Chiêu Linh vào năm 1175 đã từng muốn phế bỏ vua Lý Cao Tông để lập Long Xưởng làm vua nhưng Tô Hiến Thành không nghe. Sau khi Tô Hiến Thành qua đời, bà thái hậu này lại muốn thay đổi vua

nhưng Đỗ Kính Tu đã kiên quyết phản đối khiến bà đành chịu. Ông là người có công cứu làng Hậu Ái khỏi bị ngập úng. Nguyên do là làng này đất trũng, mùa mưa cả làng ngập, nên ai cũng muốn có con mương tiêu nước ra sông Nhuệ nhưng chưa thực hiện được vì phải đào mương qua một số làng khác. Đỗ Kính Tu đã đứng ra điều đình với các địa phương, xuất trên chục mẫu ruộng vua ban để đền bù cho các chủ đất. Nhờ đó con mương hình thành, Hậu Ái không còn chịu khổ vì nạn ngập úng. Nhưng khi đó, bọn gian thần lại lợi dụng sự việc này để vu cáo với Lý Huệ Tông rằng Kính Tu đào mương để tạo phản. Bị ngờ oan, Đỗ Kính Tu phần uất gieo mình tự vẫn trên dòng Nhị Hà (nay là sông Hồng).

Trong lịch sử Việt Nam có bao nhiêu người phụ nữ được phong làm hoàng đế? Đó là những ai?

Lịch sử Việt Nam chỉ có duy nhất một người phụ nữ được phong làm hoàng đế. Đó chính là công chúa Chiêu Thánh. Bà là con của Trần Thị Dung và vua Lý Huệ



Tông. Tháng 10 năm 1224, Lý Huệ Tông sắc phong Lý Chiêu Thánh làm Hoàng thái tử rồi truyền ngôi cho. Lý Chiêu Thánh lên ngôi hoàng đế (được gọi là Lý Chiêu Hoàng), khi mới 7 tuổi. Lý Chiêu Hoàng là nữ hoàng đế đầu tiên và duy nhất trong lịch sử Việt Nam thời trung đại (thời Bắc thuộc, bà Trưng Trắc sau khi đánh đuổi quân Nam Hán cũng lên làm vua nhưng chỉ xưng vương). Tới năm 1225, do sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng đã lấy chồng và nhường ngôi cho Trần Cảnh, con trai thứ của Trần Thừa (anh của Trần Thủ Độ), lúc đó cũng mới 8 tuổi. Ngôi vua từ họ Lý chuyển sang họ Trần một cách êm ả. Chiêu Hoàng trở thành hoàng hậu Chiêu Thánh. Nhưng vì lấy nhau

hơn chục năm mà không có con nên Thủ Độ lại ép Trần Cảnh phải bỏ Chiêu Thánh để lấy chị của bà là Thuận Thiên (vợ của Trần Liễu - anh của Trần Cảnh) đang mang thai. Lúc này Chiêu Thánh mới 20 tuổi. Phải tới hai chục năm nữa hạnh phúc mới thực sự đến với Lý Chiêu Thánh. Đó là vào năm 1258, sau khi dẹp tan giặc Nguyên xâm lược, bà được gả cho vị tướng có công đầu trong cuộc chiến là Lê Phụ Trần. Họ sống với nhau thuận hoà, Chiêu Thánh sinh được hai con, một trai một gái và bà qua đời vào năm 61 tuổi.

Nàng công chúa đầu tiên của Thăng Long đã hi sinh cho đất nước là ai?

Đó là công chúa An Tư, con gái vua Trần Thái Tông và là em ruột của vua Trần Thánh Tông. Tháng giêng năm 1285, quân Nguyên do Thoát Hoan chỉ huy kéo sang xâm lược nước ta. Ban đầu thế giặc rất mạnh, chỉ mười ngày đã kéo tới bờ sông Hồng đối diện với Thăng Long. Trước tình thế nguy cấp, triều đình nhà Trần một mặt ra lệnh bỏ trống kinh thành, tản cư về xuôi, mặt khác đã *"đưa công chúa An Tư đến cho Thoát Hoan,*

*có ý muốn làm thư bớt tai nạn của nước vậy". Mặc dù sử chỉ chép có đôi dòng như vậy về công chúa An Tư nhưng người đời sau hiểu rất rõ nỗi lòng của vua tôi nhà Trần cũng như của công chúa. Vì sự sống còn của đất nước, An Tư đã phải hi sinh thân mình. Hành động cao cả của nàng luôn được người đời sau ghi nhớ. Về cuộc đời của An Tư, sử Việt chép rất sơ lược. Khoảng năm 1943, câu chuyện về nàng công chúa này đã được nhà văn Nguyễn Huy Tưởng viết thành cuốn tiểu thuyết lịch sử *An Tư công chúa*.*

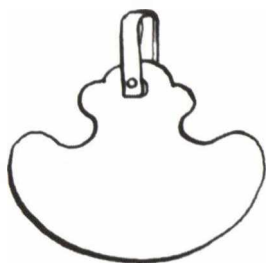
Theo truyền thuyết thì đời nhà Trần từng có một nàng công chúa đi khai hoang lập ấp. Đó là ai?

Truyền thuyết kể rằng vào đời vua Trần Thánh Tông, có chiếu chỉ cho các vương hầu, công chúa, phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán để khai khẩn ruộng hoang nhằm mở rộng vùng ven kinh thành Thăng Long và phát triển nông nghiệp. Công chúa Trần Thị Túc Trinh là con gái thứ tư của vua Trần Thánh Tông đã theo ý cha rời bỏ cung

điện ra vùng đất phía Tây Bắc kinh thành (lúc đó còn hoang hoá). Bà đã bỏ tiền bạc ra phát chẩn cho dân nghèo, cấp vốn cho họ mua trâu bò, nông cụ, thóc giống, lương thực... để tổ chức khai khẩn. Ban đầu, dân đến còn ít. Về sau dân các nơi kéo đến ngày càng đông và xóm Vườn, trại Noi, rồi làng Cổ Nhuế Viên và làng Cổ Nội (sau đổi thành Yên Nội) đã được lập ra. Về sau, công chúa Túc Trinh xuống tóc đi tu, ăn chay niệm Phật và xây dựng nên ngôi chùa Thánh Quang nay vẫn còn ở khu vực làng Cổ Nhuế ngày nay.

Vị vua mà sau này trở thành Trúc Lâm đệ nhất sư tổ là ai?

Đó là vua Trần Nhân Tông (1278-1293), tên thật là Trần Khâm, là một trong những



vị vua anh minh, trí dũng song toàn trong lịch sử Việt Nam. Trong ba lần quân Nguyên xâm lược nước ta thì hai lần là trong thời kì Trần Nhân Tông trị vì (có sự cố vấn của cha là Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông). Năm 1284, được tin quân Nguyên tập trung ở Hồ Nam (Trung Quốc) quân số lên tới 50 vạn, Trần Nhân Tông đã trao cho Trần Quốc Tuấn chức Quốc công tiết chế (tương đương với tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang) để lo chống giặc. Đây là một việc làm sáng suốt vì vua đã phán đoán đúng âm mưu xâm lược của kẻ thù và dám tin dùng Trần Hưng Đạo (vốn đời trước có hiềm khích). Sau chiến thắng 5 năm, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Anh Tông rồi lên tu trên núi Yên Tử. Ngài đã lập ra thiền phái Trúc Lâm, đáp ứng yêu cầu chính trị của xã hội thời đó: Thống nhất dân tộc trên bình diện ý thức hệ và hạn chế sự phát triển của mâu thuẫn giai cấp, duy trì một xã hội vừa mới hoà hợp đoàn kết đánh bại kẻ thù xâm lược. Trần Nhân Tông mất năm 1308 tại am Ngọa Vân trên núi Yên Tử. Sau này, nhân dân suy tôn ông là Phật hoàng.

Người làm văn tế đuổi cá sấu trên sông Hồng, đoạn vào kinh thành Thăng Long thời nhà Trần là ai?

Đó là Hàn Thuyên, tên thật là Nguyễn Thuyên, quê ở làng Lão Hạ, huyện Thanh Lâm, nay thuộc Nam Sách, tỉnh Hải Dương, (có sách cho rằng ông quê ở làng Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Vĩnh Phúc). Ông đỗ tiến sĩ năm 1247, sau làm tới Thượng thư bộ Hình. Sử cũ chép tháng tám năm 1282 có cá sấu vào sông Lô (tên gọi của sông Hồng thời đó) thường quấy phá dân chài trên bến nước. Vua Trần Nhân Tông sai Nguyễn Thuyên làm bài văn tế thả xuống sông. Cá sấu bỏ đi. Việc này giống như Hàn Dũ - văn hào đời Đường (Trung Quốc) đã làm nên vua Trần cho Nguyễn Thuyên đổi sang họ Hàn. Từ đó sử gọi ông là Hàn Thuyên. Hàn Thuyên là một người rất giỏi thơ Nôm. Ông được xem là người phát triển, phổ biến chữ Nôm của Việt Nam. Ông cũng là người đầu tiên dùng luật thơ Đường vào thơ Nôm, nên đời sau gọi thơ Nôm theo Đường luật là Hàn luật.

Vào đời nhà Trần, khi đất nước và kinh đô lâm nguy, nhà vua ướm hỏi việc đánh hay hàng giặc, vị vương này đã khẳng khái đáp: “Nếu bệ hạ muốn hàng thì hãy chém đầu thần trước đã”. Vị vương nói câu nói nổi tiếng này là ai?



Đó chính là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, vị danh tướng thời Trần và cũng là danh tướng trong lịch sử Việt Nam. Ông là con trai của An Sinh Vương Trần Liễu, cháu gọi vua Trần Thái Tông bằng chú, sinh ra tại Kiếp Bạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ông được phong tước Hưng Đạo Vương nên nhân dân quen gọi ông là Trần Hưng Đạo. Năm 1285, khi quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai, vua Trần Nhân Tông thử ướm hỏi việc đánh hay hàng, Hưng Đạo Vương

khảng khái nói rằng: "*Nếu bệ hạ muốn hàng thì hãy chém đầu thần trước đã*", thể hiện ý chí quyết tâm chiến đấu bảo vệ đất nước. Ông là người có công lớn trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông của Đại Việt. Đặc biệt trong hai lần chống quân Nguyên vào năm 1285 và 1288, ông là Quốc công tiết chế (tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang đương thời). Ông đã cùng các vua Trần và tướng lĩnh tổ chức, lãnh đạo cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi rực rỡ, nhất là trận Bạch Đằng lấy lòng vào tháng tám năm 1288. Hưng Đạo Vương còn là tác giả của áng thiên cổ hùng văn *Hịch tướng sĩ* và hai tác phẩm khoa học quân sự *Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền*.

Người làm nên chiến thắng Chương Dương lịch sử và cũng là người đã làm ra những vần thơ được truyền tụng đời đời là ai?

Đó là Trần Quang Khải (1241-1294), con của Trần Thái Tông, tước phong Chiêu Minh Vương. Trước khi quân Nguyên xâm

lược nước ta, Trần Quang Khải đảm đương công việc đối ngoại, giao thiệp với sứ giả của giặc. Trong thời gian này, Trần Quang Khải đã thực hiện được đường lối ngoại giao của nhà Trần là cương quyết giữ vững lập trường bảo vệ lãnh thổ và chủ quyền của đất nước nhưng mềm mỏng, linh hoạt trong sách lược. Khi cuộc chiến tranh nổ ra, Trần Quang Khải chỉ huy nhiều trận đánh, trong đó nổi bật nhất là trận tập kích bến Chương Dương (bên bờ sông Hồng, địa phận làng Chương Dương, huyện Thường Tín) vào tháng 5 năm 1285. Chiến thắng này có ý nghĩa chiến lược quan trọng vì đã tiêu diệt được một cứ điểm trọng yếu cuối cùng của địch trên sông Hồng, mở đường cho việc giải phóng Thăng Long. Sau chiến thắng, khi triều đình nhà Trần trở lại kinh thành, Trần Quang Khải đã làm bài thơ *Tòng giá hoàn kinh* (còn được biết đến với tên *Tụng giá hoàn kinh sư*) với những vần thơ còn được truyền tụng đến tận ngày nay:

Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm Hồ Hàm Tử quan

*Thái bình nghi nỗ lực
Vạn cổ thử giang san*

*(Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.)*

(Bản dịch của Trần Trọng Kim)

**Người lập nên chiến thắng Hàm Tử,
mở đường cho chiến dịch giải phóng
Thăng Long vào đời Trần là ai?**

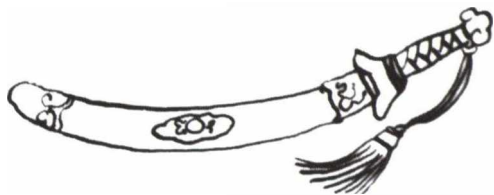
Người đó là Trần Nhật Duật (1255-1330), ông là con trai thứ sáu của Trần Thái Tông, tước phong Chiêu Văn Vương. Ông là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai và thứ ba, giữ gìn bờ cõi nước Đại Việt. Cuối năm 1284, khi ông đang trấn giữ ở lộ Quy Hoá (nay là Tuyên Quang) thì giặc Nguyên từ Vân Nam tràn xuống nhằm xâm lược Đại Việt lần hai. Ông đã tổ chức thành công cuộc rút lui chiến lược về Thiên Trường (Nam Định) để

bảo toàn lực lượng. Sau đó ít lâu, chính ông đã tiêu diệt đồn giặc đóng ở bến Hàm Tử và tiếp đó nhổ hàng loạt đồn trại giặc ở dọc hai bên bờ sông Hồng, mở đường cho việc giải phóng Thăng Long. Ngoài tài thao lược, Trần Nhật Duật còn rất giỏi âm nhạc, từng sáng tác nhiều bài ca điệu múa, tinh thông Nho giáo, Đạo giáo. Ông còn đặc biệt say mê học tiếng nước ngoài và là một nhà ngôn ngữ giỏi. Ông biết nhiều thứ tiếng: Tiếng Tống (tiếng Trung Quốc thế kỉ 13), tiếng Mông Cổ, tiếng Chăm-pa và tiếng nói của một số dân tộc vùng núi nước ta.

Một vị tướng nhà Trần đã lập công lớn trong cuộc chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất (1258) nhưng sau do có lỗi đã bị cách hết mọi chức tước, tịch thu tài sản và phải sinh sống bằng nghề đốt than. Tháng 10 năm 1285, khi quân Nguyên lần le xâm lược nước ta lần thứ hai, vua Trần Nhân Tông cho họp các vương hầu tướng lĩnh ở bến Bình Than để bàn kế hoạch đánh giữ, ông đã chèo thuyền than

đi ngang qua, vua Trần Nhân Tông trông thấy động lòng đã tha tội và cho bàn việc nước. Đó là ai?

Người đó chính là Trần Khánh Dư, danh tướng thời nhà Trần. Dưới triều Trần Thái Tông, trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất (1258), ông lập công lớn được phong chức Phiêu kỵ đại tướng quân. Nhưng sau do có lỗi nên ông bị cách hết chức tước, tịch thu tài sản và phải về Chí Linh (Hải Dương) sinh sống bằng nghề đốt than. Sau này, khi vua Trần Nhân Tông mở hội nghị Bình Than cùng các vương hầu tướng lĩnh bàn kế hoạch chống lại cuộc xâm lược của quân Nguyên lần thứ hai (1285), Trần Khánh Dư nghe tin bơi thuyền chở than đi qua. Vua Trần Nhân Tông trông thấy đã động lòng, tha tội cho ông và truyền vào cùng bàn việc nước. Những ý kiến của Trần Khánh Dư hợp ý vua nên ông được vua



phong làm Phó đô tướng quân. Trong hai lần chống Nguyên (1285 và 1288), ông đã nhiều lần lập công lớn. Đặc biệt là vào tháng giêng năm 1288, ông đã đánh đắm toàn bộ thuyền chở lương thực của quân Nguyên do Trương Văn Hồ chỉ huy tại cảng Vân Đồn (Quảng Ninh). Chiến thắng Vân Đồn đã góp phần rất lớn vào toàn bộ chiến thắng chống Nguyên lần thứ ba.

Trạng Bùng là ai?

Đó là Phùng Khắc Khoan (1528-1613). Ông là người làng Phùng Xá (tục gọi là làng Bùng), huyện Thạch Thất, Hà Nội. Lúc trẻ ông không chịu đi thi vì nhà Mạc đang là vua đất Bắc. Ông vào Thanh Hoá theo vua Lê. Tại đây, ông đỗ đầu kì thi hương, được bổ làm quan. Tính ông cương trực, có lần trái ý vua nên bị giáng chức đến ở núi Thành Nam huyện Tương Dương (nay là huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An). Tại đây, ông tự cày cấy để sống và có làm một bài ca bằng quốc âm để bày tỏ tình cảm của mình. Vua Lê xem thấy cảm động, cho gọi về Thanh Hoá, ông dự thi đỗ Hoàng giáp nhưng nhân dân tôn

làm Trạng Bùng. Năm 1597, ông đi sứ sang nhà Minh. Tương truyền, ông có nghiên cứu nghề dệt lụa, dệt chồi (sồi), đem dạy cho người làng. Từ đó làng Bùng có lụa, có chồi nổi tiếng một thời. Phùng Khắc Khoan còn để lại nhiều thơ văn chữ Hán, đặc biệt là tập thơ chữ Nôm *Lâm tuyển văn*. Tập thơ *Lâm tuyển văn* với 185 câu thơ lục bát (gieo vần ở từ thứ tư) giống như một bộ sưu tập thực vật khá công phu, ghi chép tỉ mỉ hình dáng, mùi vị, màu sắc, cách trồng tỉa các loài cây quen thuộc ở đồng bằng nước ta.

Một vị quan triều Trần được nhiều nơi ở Hà Nội cũ lập đền thờ. Đó là ai?



Đó là Nguyễn Trung Ngạn (1289-1370), tự là Bang Trục, hiệu Giới Hiên. Ông vốn là người làng Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi (nay là Ân Thi), tỉnh Hưng Yên. Từ nhỏ Nguyễn Trung Ngạn đã nổi tiếng là thần đồng, năm lên 16

tuổi đỗ Hoàng giáp. Hồi đó ông cùng khoa thi với Mạc Đĩnh Chi nhưng Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên. Sử cũ có chép Nguyễn Trung Ngạn là một nhà chính trị tài năng, một đại thần có tài tổ chức hành chính và kinh tế, được xếp vào hàng "Người phò tá có công lao tài đức đời Trần". Năm 1341, ông được cử làm Kinh sư đại doãn tức là chức quan đứng đầu kinh thành Thăng Long (tương đương với chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội bây giờ). Cuối đời, ông giữ chức vụ cao nhất trong triều đình: Nhập nội đại hành khiển kiêm Tri khu mật viện sự, Nhập thị kinh diên, tước Trục quốc khai huyện bá, sau thăng Thân quốc công. Ngoài ra, Nguyễn Trung Ngạn còn là một nhà thơ nổi tiếng thời Trần. Hồn thơ của ông giàu khí phách, có cốt cách riêng. Phan Huy Chú đánh giá rất cao thơ của ông. Sau khi ông mất, nhiều nơi ở Hà Nội đã lập đền thờ và đến nay vẫn còn như đền Tiên Hạ ở ngõ Phát Lộc, đền Mĩ Lộc ở phố Nguyễn Hữu Huân, đền Hương Tượng ở Mã Mây, đình Phúc Lộc ở Lương Ngọc Quyến, đình Hương Bài ở Trần Nhật Duật...

Vị tướng đã được vua Trần ban cho vùng Kê Mơ ở phía Nam kinh thành Thăng Long làm thái ấp riêng của mình là ai?

Đó là Trần Khát Chân (1370-1399), thuộc dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng, quê làng Hà Lãng, huyện Vĩnh Ninh (nay thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa). Thời Thượng hoàng Trần Nghệ Tông (cụ thể vào năm 1389), ông đã lập một chiến công lừng lẫy là đập tan đạo quân xâm lược của Chiêm Thành. Khi Chế Bồng Nga đem quân vượt biên giới đánh ra, Hồ Quý Ly (bấy giờ là đại thần nhà Trần) cầm quân chống cự ở mạn Thanh Hoá nhưng thất bại phải bỏ chạy về Thăng Long. Trần Nghệ Tông cử Trần Khát Chân đi đánh. Ông cho phục binh ở bờ sông Hải Triều (gần sông Luộc ngày nay). Tháng Giêng năm 1390, chiến thuyền của Chế Bồng Nga qua đây trúng hoả pháo và nhanh chóng tan tác, Vua Chiêm Thành chết tại trận. Chiến công này đã đưa Trần Khát Chân lên chức thượng tướng quân, được vua Trần ban cho vùng Kê Mơ ở phía nam Thăng Long làm thái ấp riêng.

THẮNG LONG

LỊCH SỬ



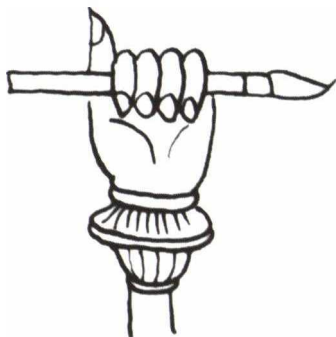
Huyện Tống Bình là tên gọi xưa của Hà Nội vào khoảng thời gian nào?

Tồn tại mấy trăm năm, Tống Bình là tên gọi và là đơn vị hành chính đầu tiên được thiết lập trên vùng đất Hà Nội ngày nay. Khoảng đời Hiếu Vũ Đế nhà Lưu Tống (454 - 456), chính quyền đô hộ phương Bắc lập một huyện mới trên vùng đất trung tâm Hà Nội cổ, gọi là huyện Tống Bình, sau đổi tên thành quận Tống Bình. Năm 544, Lý Bí tiến hành khởi nghĩa thắng lợi, xưng là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân. Đến đầu thế kỉ 7, nhà Tùy thống nhất Trung Quốc và chiếm nước Vạn Xuân, khôi phục lại Tống Bình là huyện. Năm 621, nhà Đường đổi Tống Bình thành Tống Châu. Năm 627, lại đổi thành huyện Tống Bình. Tên gọi này tồn tại đến khoảng thế kỉ 9.

Ai là vị hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Việt Nam nhận ra vị trí trung tâm đất nước của Hà Nội và đã quyết định đóng đô ở đây?

Người đó Lý Nam Đế, vị hoàng đế sáng lập nhà Tiền Lý và khai sinh nhà nước Vạn Xuân trong lịch sử Việt Nam. Ông tên thật là Lý Bí, còn gọi là Lý Bôn, người làng Thái Bình, phủ Long Hưng (nay nằm trong khoảng phạm vi Thạch Thất và thành phố Sơn Tây, Hà Nội). Lý Bí văn võ song toàn. Ông đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa, đánh đuổi quân Lương xâm lược. Sau khi cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ của nhà Lương thắng lợi (542), Lý Bí xưng đế, dựng nước Vạn Xuân (544) và đóng đô ở vùng đất ngày nay là Hà Nội. Tuy nhà nước Vạn Xuân tồn tại không lâu, đô thành mà Lý Nam Đế lựa chọn chưa được mở mang xây dựng bao nhiêu nhưng sự kiện này đánh dấu một bước quan trọng trong lịch sử Thăng Long - Hà Nội, đưa mảnh đất này bước lên vị trí hàng đầu trong lịch sử đất nước.

Bộ Hình thư đầu tiên của nước ta được ban hành dưới triều vua nào?



Năm 1042, vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) cho biên soạn và ban bố *Hình thư*. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của nhà nước quân chủ Việt Nam kể từ khi Khúc Thừa Dụ xưng nền tự chủ vào năm 905. Dù văn bản của bộ *Hình thư* ngày nay đã thất truyền, nhưng nó đã đánh dấu một bước ngoặt trong hoạt động lập pháp thời trung đại của nước ta.

Nhà sử học Ngô Sĩ Liên đã viết về bộ *Hình thư* này như sau: "Trước kia, trong nước, việc kiện tụng phiền nhiễu, quan giữ việc

hình câu nệ luật văn, cốt làm khắc nghiệt, thậm chí bị oan uổng. Vua lấy làm thương xót, sai sửa định luật lệnh, châm chước cho, thích dụng với thời bấy giờ, chia ra môn loại, biên ra điều khoản làm sách hình luật của mọi triều đại để cho người xem dễ biết. Sách làm xong, chiếu ban ra cho thi hành. Dân đều lấy làm tiện.”

Lý Thường Kiệt chủ động đem quân sang tận đất Tống để triệt phá các căn cứ xâm lược của địch vào thời gian nào?

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, Lý Nhân Tông mới 7 tuổi lên ngôi. Nhân cơ hội này, nhà Tống ráo riết chuẩn bị xâm lược Đại Việt. Bên kia biên giới, quân Tống gấp rút xây dựng các căn cứ xâm lược mà trung tâm là thành Ung Châu (Nam Ninh). Lý Thường Kiệt khi đó với cương vị là Phụ quốc Thái úy đã đứng ra đảm nhận việc tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến. Ông nhận thấy *“Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra đánh trước để chặn mũi nhọn*

của giặc” nên quyết định đưa quân sang đất Tống triệt phá các căn cứ xâm lược của Tống rồi rút về phòng thủ. Dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt, ngày 27-10-1075, 10 vạn quân Đại Việt chia làm hai đường thủy bộ tiến sang đất Tống. Chỉ trong thời gian ngắn, quân ta đã phá huỷ hầu hết các căn cứ hậu cần mà nhà Tống chuẩn bị cho cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt, san phẳng thành Ung Châu. Tháng tư năm 1076, Lý Thường Kiệt rút quân về nước chuẩn bị cuộc kháng chiến sắp sửa diễn ra. Cuộc tiến công trên đất Tống của người anh hùng Lý Thường Kiệt thể hiện tinh thần chủ động của Đại Việt trước âm mưu xâm lược của kẻ thù.

Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam được ra đời như thế nào?

Sau khi vua Lý Thánh Tông qua đời, Lý Nhân Tông lên nối ngôi (vào khoảng năm 1072). Lúc đó, nhà vua mới 7 tuổi nên Lý Thường Kiệt (khi đó khoảng 50 tuổi) được



phong làm Phụ quốc Thái úy. Chính vào thời điểm này, giặc Tống lẫn le xâm lược nước Đại Việt ta. Khi ấy, Lý Thường Kiệt đã chủ động tiến công để tự vệ. Trong

lúc đôi bên đang ở thế giằng co quyết liệt, Lý Thường Kiệt đã mưu trí thác lời thánh Tam Giang làm một bài thơ để động viên binh sĩ. Truyền thuyết dân gian kể rằng, đang đêm ba mươi trời tối đen như mực, trong đền thánh Tam Giang bên bờ sông Như Nguyệt bỗng vang lên lời thần ngâm thơ sang sảng:

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

(Sông núi nước Nam vua Nam ở

Rành ràng định phận tại sách trời

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời)

Nghe thơ, khí thế quân ta phấn chấn hẳn lên, đánh cho giặc Tống phải giẫm đạp lên nhau mà chạy tan tác.

Bài thơ *Nam quốc sơn hà* là bản anh hùng ca bất hủ, được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta.

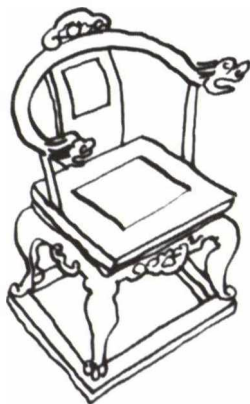
Khoa thi đầu tiên trong lịch sử nước ta được tổ chức tại Thăng Long vào năm nào?

Vào tháng hai năm 1075, dưới thời vua Lý Nhân Tông, triều đình mở khoa thi tuyển Minh kinh bác học đầu tiên và khoa thi Nho học tam trường. Sự kiện này đã mở đầu cho lịch sử khoa bảng truyền thống của Việt Nam kéo dài gần 1000 năm. Trong kì thi này có tất cả 10 người trúng tuyển. Người đỗ đầu là Trạng nguyên Lê Văn Thịnh (người ở Bắc Ninh), được cho vào hầu vua học. Quê ông ở xã Chí Nhị, tổng Đại Lải, huyện Gia Bình (nay thuộc thôn Bảo Tháp, xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh). Ông là người có lòng tự tôn dân tộc cao, cả đời làm quan chỉ muốn làm sáng tỏ cái đạo của dân Đại Việt.

Bảo vệ trâu bò là một trong những chính sách được các triều đại phong kiến quan tâm nhằm giúp phát triển kinh tế nông nghiệp. Trong lịch sử nước ta, lần đầu tiên triều đình ban chiếu cấm giết, trộm trâu bò là căn cứ vào tình hình nào của kinh thành?

Tháng hai năm 1117, Hoàng thái hậu Ý Lan nói: "Gần đây ở kinh thành, hương ấp có nhiều người trốn tránh, lấy việc trộm trâu làm nghề nghiệp, trăm họ cùng quần, mấy nhà cày chung một con trâu. Trước đây ta từng nói đến việc ấy nhà nước đã có lệnh cấm. Nay giết trâu lại càng nhiều hơn trước". *Đại Việt sử kí toàn thư*, kỉ nhà Lý, chép đời vua Nhân Tông có chiếu cấm giết trâu, kẻ nào mổ trâu như sau: "... đồ làm kẻ phục dịch trong quân, vợ xử 80 trượng, đồ đi làm việc ở nhà chăn tằm và bồi thường trâu; lảng giềng biết mà không tố cáo, phạt 80 trượng". Đây là một chính sách nông nghiệp tích cực trong điều kiện còn thiếu hụt về sức kéo thời bấy giờ.

Vị vua nào của nhà Trần đã rời bỏ kinh thành vào lúc nửa đêm để lên núi Yên Tử?



Vị vua đó là Trần Thái Tông. Tên thật của ông là Trần Cảnh. Năm lên 8 tuổi, theo sắp xếp của Thái sư Trần Thủ Độ, Trần Cảnh kết duyên cùng Lý Chiêu Hoàng và được nhường ngôi, trở thành vị vua đầu tiên của triều Trần, còn Lý Chiêu Hoàng trở thành hoàng hậu Chiêu Thánh. Ông có người anh ruột tên là Trần Liễu, nên duyên cùng công chúa Thuận Thiên, chị gái của Lý Chiêu Hoàng (cả hai đều là con ruột của vua Lý Huệ Tông và bà Trần Thị Dung). Năm 1237,

khi đó Trần Thái Tông và hoàng hậu Chiêu Thánh đã 17, 18 mà vẫn chưa có con (thái tử Trần Vĩnh mới sinh đã chết yểu). Lo lắng vì chưa có người nối dõi cho nhà Trần, Trần Thủ Độ đã ép Trần Liễu phải nhường công chúa Thuận Thiên đang mang thai ba tháng cho Trần Cảnh. Việc làm của Trần Thủ Độ khiến Trần Liễu nổi dậy chống lại triều đình còn Trần Thái Tông thì thương tâm. Vào một đêm của năm Đinh Dậu (1237), Trần Thái Tông rời bỏ kinh thành tới chỗ Quốc sư Phù Vân, vốn là bạn của ông ở trên núi Yên Tử. Nhà vua có ý rời bỏ ngai vàng và muốn ở lại cùng Quốc sư, nhưng sau đó, nghe lời khuyên của Quốc sư, Trần Thái Tông đành trở về kinh thành, tiếp tục làm vua.

Khoa thi đầu tiên do nhà Trần tổ chức tại Thăng Long có điểm gì đặc biệt?

Vào năm 1227, một năm sau khi thiết lập vương triều, nhà Trần đã tổ chức khoa thi đầu tiên tại kinh thành Thăng Long để tuyển chọn nhân tài và cũng là để khẳng định uy quyền chính thống của triều đại

mình. Khác với các khoa thi dưới triều Lý, khoa thi của triều Trần không chỉ căn cứ riêng vào Nho học mà nội dung thi tuyển được lấy từ kinh điển của cả ba tôn giáo lớn đương thời là Nho, Phật và Đạo. Khoa thi có tên gọi "Tam giáo tử", nghĩa là tuyển chọn những người xuất sắc nhất trong số những người nổi nghiệp của Nho, Đạo và Phật giáo.

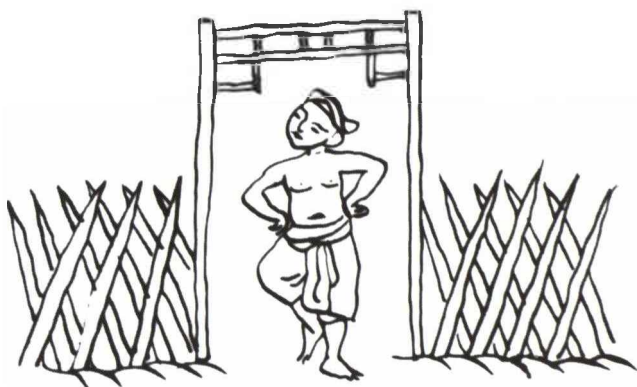
Danh hiệu tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) được đặt ra lần đầu tiên trong khoa thi của triều đại nào?

Dưới triều Trần, khoa thi năm 1232, lần đầu tiên nhà nước xếp những người đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) làm ba hạng theo thứ bậc khác nhau gọi là tam giáp: Đệ nhất giáp, Đệ nhị giáp, Đệ tam giáp. Năm 1247, triều đình đặt danh hiệu Tam khôi (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) cho những người đỗ đầu. Đây là những bước hoàn thiện trong việc thể chế hoá thi cử dưới thời Trần. Khoa thi năm 1247, triều đình đã tuyển chọn được ba vị tam khôi đầu tiên và 48

Thái học sinh. Trong số đó, nhiều người sau này trở thành những nhà chính trị kiệt xuất, nhà văn hoá lớn và những nhà ngoại giao tiêu biểu. Đặc biệt, trong khoa thi này, ba người đỗ đầu (Tam khôi) đều còn đang ở độ tuổi rất trẻ: Trạng nguyên Nguyễn Hiền (13 tuổi), Bảng nhãn Lê Văn Hưu (18 tuổi) và Thám hoa Đặng Ma La (14 tuổi).

Trường võ bị cao cấp tại Thăng Long chuyên đào tạo các tướng lĩnh dưới đời Trần có tên là gì?

Người Việt vốn có tinh thần thượng võ. Các hoàng đế thời Lý - Trần cũng rất say mê tập luyện võ nghệ. Ngay sau khi dời đô về Thăng Long, trong số các công trình được



xây dựng đầu tiên có điện Giảng Võ ở trong Hoàng Thành là nơi triều đình họp bàn quân sự. Đến năm 1253, vua Trần Thái Tông cho lập Giảng võ đường là trường võ bị cao cấp chuyên đào tạo tướng lĩnh. Ở đây, các môn sinh vốn chủ yếu là quý tộc nhà Trần được huấn luyện về võ nghệ, binh pháp v.v... Giảng võ đường đã đào tạo ra nhiều tướng lĩnh xuất sắc, góp phần không nhỏ vào những chiến thắng chống giặc ngoại xâm lừng lẫy của nhà Trần. Ngày nay, ở Hà Nội vẫn có một con phố lớn mang tên Giảng Võ.

Kinh trạng nguyên và Trại trạng nguyên là gì? Các danh hiệu này được đặt ra vào thời kì nào?

Để khuyến khích việc học tập, thi cử của sĩ tử trong cả nước, đặc biệt là ở những vùng đất xa kinh thành, nhà Trần đặt lệ lấy hai trạng nguyên trong một khoa thi Thái học sinh. Người đỗ đầu ở vùng kinh thành được gọi là "Kinh trạng nguyên", còn người đỗ đầu ở vùng Thanh Hoá, Nghệ An (trại) được gọi là "Trại trạng nguyên". Lệ lấy

hai trạng nguyên trong cùng một khoa thi được bắt đầu từ năm 1256. Trong khoa thi này, Trần Quốc Lặc (người Ôn Hạ, Thanh Lâm, châu Thượng Hồng) đỗ Kinh trạng nguyên. Trương Xán (người Hoàn Bồ, châu Bồ Chính) đỗ Trại trạng nguyên. Đến năm 1275, Trần Thánh Tông cho hợp Kinh trạng nguyên và Trại trạng nguyên làm một, quy định mỗi khoa thi lấy 30 người trong đó có tam khôi và 27 thái học sinh.

Tổng chỉ huy quân Pháp ở Bắc Kỳ vào năm 1882 là ai? Kết cục số phận của viên chỉ huy này như thế nào?

Sau một thời gian chuẩn bị lực lượng, chờ đợi thời cơ, thực dân Pháp đã xúc tiến kế hoạch xâm lược Bắc Kỳ mà trọng tâm là Hà Nội. Năm 1882, Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Kỳ là Henry Rivière đã chỉ huy quân đội Pháp đánh chiếm Hà Nội vào ngày 20-4-1882. Mặc dù Hà Nội thất thủ nhưng không vì thế mà người dân chịu khuất phục. Tháng 5-1882, một lực lượng nhân dân Hà Nội đã vượt sông Hồng sang phối hợp cùng

quân triều đình ở Bắc Ninh ngày đêm bao vây, cô lập thực dân Pháp khiến chúng và một số quan lại trong thành lo lắng mất ăn mất ngủ. Để thoát khỏi tình trạng bế tắc đó, thực dân Pháp đã quyết định tập trung lực lượng mở rộng ra vùng ngoại vi. Ngày 18-5-1882, quân Pháp ở Hà Nội chuẩn bị lực lượng để hôm sau đánh ra phía Cầu Giấy. Về phía quân ta, nhờ có tin tình báo do viên thông ngôn Nguyễn Văn Lộc bí mật cung cấp nên vẫn ngày đêm bám sát được tình hình. Ta đã kịp thời bố trí trận địa đón đánh địch ở Cầu Giấy. Quân ta phục kích ở làng Dịch Vọng Trung và Dịch Vọng Tiền. Quân Pháp lọt vào trận phục kích. Hai bên đều thương vong. Đúng lúc ấy, Lưu Vĩnh Phúc và Hoàng Trung Thư chỉ huy quân đánh mạnh vào bên sườn địch. Quân Pháp hốt hoảng rút chạy, bỏ lại trên cầu cả xác chết lẫn người bị thương, trong số đó có xác của Henry Rivière.

Vào năm 1883, có một tổ chức yêu nước ở Hà Nội từng đột nhập vào phố Paul Bert (nay là phố Tràng Tiền) bắt mụ đầm

Rosallie de Baire, chủ tiệm cà phê đồng thời là trùm chỉ điểm của thực dân Pháp, bắt cả một toán lính Pháp đang tham gia đua thuyền trên Hồ Gươm và chặn đường cướp đôi voi của tuần phủ Ninh Bình biểu Công sứ Pháp ở Hà Nội cùng toàn bộ vũ khí của bọn lính áp giải. Tổ chức đó có tên là gì và do ai thành lập?



Tổ chức được nhắc đến cùng với những chiến tích đó là Tín Nghĩa Hội, do ông Dương Hữu Quang, một người Hà Nội, nguyên là tri huyện Ứng Hoà, Thọ Xương lãnh đạo. Ông là một vị quan thanh liêm chính trực có nhiều uy tín trong nhân dân. Khi Pháp chiếm Hà Nội, Dương Hữu Quang đã chiêu mộ được vài trăm nghĩa binh để lập thành Tín Nghĩa Hội, khởi hịch tố cáo thực dân bội ước, khuyên mọi người không theo giặc. Ông lãnh đạo nghĩa binh đánh Pháp tại các địa hạt Hà Nội, Ứng Hoà, Thanh Oai. Tín Nghĩa Hội có lúc đông tới năm, sáu ngàn hội viên. Trước những hoạt động của Tín Nghĩa Hội, thực dân Pháp đã tiến hành đàn áp. Để tránh khủng bố, nghĩa sĩ phân tán ra các vùng xung quanh Hà Nội. Riêng Dương Hữu Quang lánh về Sơn Lộ (còn gọi là làng So) ở huyện Quốc Oai, đóng vai người gác chùa nên mọi người gọi ông là Tụ So. Tại đây, ông vẫn tiếp tục chỉ huy cuộc đấu tranh nhưng một tên thủ hạ thân cận là Quận Vừng đã lập mưu giết ông. Từ đó về sau, Tín Nghĩa Hội cũng dần dần tan rã.

Vào cuối thế kỉ 19, một đội quân yêu nước của nhân dân Hà Nội và các vùng phụ cận đã nổi dậy đánh úp thành Hà Nội. Đội quân đó do ai lãnh đạo?

Đội quân đó do ông Vương Quốc Chính lãnh đạo. Đêm ngày 5-12-1898, nhân dân Hà Nội và các vùng phụ cận đã nổi dậy đánh úp thực dân Pháp ở thành Hà Nội. Vương Quốc Chính vốn là một nhà nho cải trang làm sư và tu ở chùa Long Ngọc Động, huyện Chương Mỹ. Ông đã chiêu mộ những người yêu nước, thành lập một đội quân gồm năm cánh Tiền, Hậu, Tả, Hữu và Trung quân. Nhiều vị chỉ huy trong nghĩa quân là người Hà Nội như ông Trương Công Sán (phổ Hàng Đào), Nguyễn Hanh (Cổ Nhuế, Từ Liêm), Đỗ Đức Kiên (Tây Tựu, Từ Liêm)... Sau khi họp chuẩn bị, lên kế hoạch và thống nhất lấy việc tắt điện cả thành phố làm hiệu lệnh tấn công, ngày 5-12-1898, một toán nghĩa quân đã tiêu diệt gọn đồn Pháp ở Ngọc Hà (nay là khu vực cuối đường Lê Hồng Phong và Đội Cấn). Nhưng do không tắt được đèn điện (vì kế hoạch bị lộ) nên hiệu lệnh tấn

công không được đồng bộ, chính vì vậy thực dân Pháp đã kịp thời chống trả rồi tiến hành đàn áp. Hàng trăm người bị thảm sát. Tuy khởi nghĩa không thành nhưng sự kiện trên một lần nữa chứng tỏ tinh thần bất khuất và khát vọng tự do của nhân dân Hà Nội.

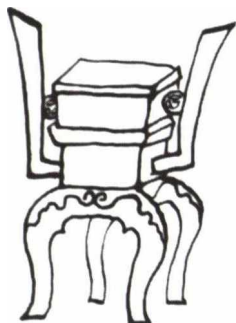
Một phiên toà thực dân Pháp buộc phải mở công khai tại Toà án Hàng Tre (nay là phố Hàng Vôi) kéo dài trong nhiều giờ để xét xử một trí thức, một lãnh tụ yêu nước nổi tiếng đầu thế kỉ 20 đã làm chấn động dư luận quần chúng khắp ba miền Bắc, Trung, Nam và làm dấy lên phong trào đấu tranh vô cùng mạnh mẽ. Đó là phiên toà xét xử nhà trí thức nào?

Sau khi phong trào Đông Du chấm dứt (tháng 10-1908), Phan Bội Châu hướng theo nền cộng hoà và chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục Hội thay cho Duy Tân Hội (thành lập năm 1904) với tôn chỉ duy nhất là "*Đánh đuổi giặc Pháp, khôi*

phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà Dân quốc Việt Nam". Những hoạt động yêu nước đó của Phan Bội Châu khiến thực dân Pháp hết sức tức tối và điên cuồng phá hoại. Giữa năm 1925, Phan Bội Châu bị thực dân bắt cóc ở Trung Quốc rồi bí mật đưa về Hồng Kông và từ đó giải về Hải Phòng trên chiếc tàu Ăngko. Phan Bội Châu bị giam ở nhà tù Hoả Lò, Hà Nội. Phiên toà xử Phan Bội Châu được mở tại Toà án Hàng Tre (nay là phố Hàng Vôi), kéo dài từ 9 giờ đến 21 giờ ngày 23-11-1925, đã thu hút sự quan tâm của đông đảo quần chúng nhân dân. Trước sức mạnh đấu tranh của người dân Hà Nội và nhân dân cả nước, thực dân Pháp buộc phải giảm án từ tử hình xuống chung thân rồi cuối cùng tuyên bố trắng án và đưa ông về an trí ở Huế.

Nửa đầu thế kỉ 20, một ngày đầu tháng Tư, dưới trời mưa tầm tã, hàng vạn người dân đã làm lễ truy điệu một nhà nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ tại đền Đồng Nhân, Hà Nội. Sau đó, việc để tang nhà yêu nước này đã trở thành phong trào

rộng khắp như một biểu hiện của lòng ái quốc. Đó là lễ truy điệu ai?



Đó là lễ truy điệu Phan Châu Trinh tại đền Đồng Nhân (nay thuộc quận Hai Bà Trưng) vào ngày 4-4-1926. Phan Châu Trinh (1872-1926) là một nhà nho yêu nước có tư tưởng tiến bộ. Ông còn là một lãnh tụ, một tấm gương sáng trong phong trào Duy Tân đầu thế kỉ 20. Đề cao tư tưởng "*Tự lực khai hoá*", dựa vào mình để canh tân, mở mang đất nước, Phan Châu Trinh là lãnh tụ của nhiều phong trào yêu nước đầu thế kỉ 20 như: Cuộc vận động Duy Tân, phong trào chống sưu thuế Trung Kỳ, phong trào

Đông Kinh Nghĩa Thục... Sau nhiều lần bị bắt giam, kết án, quản thúc, cuối cùng cụ Phan đã chọn cuộc sống thanh bần tại Pháp cho đến năm 1925. Ngày 23-4-1926, Phan Châu Trinh sau khi trở về nước ít lâu đã mất tại Sài Gòn. Đám tang của ông được tổ chức trọng thể, thu hút hàng vạn người đi đưa tang bất chấp sự theo dõi, cấm đoán của chính quyền Pháp. Sau ngày truy điệu, việc để tang Phan Châu Trinh đã trở thành một phong trào rộng khắp thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân và cả nước tham gia. Tại Hà Nội, nhiều cửa hiệu trên phố đóng cửa; học sinh, sinh viên, công chức đeo tang để tỏ lòng thương nhớ ông.

Một phong trào biểu tình rầm rộ của người Hà Nội nhằm tẩy chay một tờ báo đã diễn ra vào tháng 5 năm 1927. Đó là tờ báo nào và nguyên nhân của cuộc biểu tình này là gì?

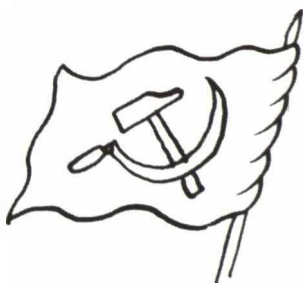
Đây là cuộc biểu tình quy mô lớn ở Hà Nội nhằm tẩy chay tờ *Dân Báo* của một số phần tử thực dân xuất bản tại Hà Nội. Trên

số báo tháng 5-1927, tờ báo này đã đăng bài đả kích những chí sĩ Việt Nam yêu nước (phần lớn là các văn thân tích cực hoạt động chống Pháp, sáng lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), bị thực dân Pháp bắt và đày đi các nơi xa), trong đó có câu: "*Các nhà chí sĩ Việt Nam đáng đem bỏ rọ trôi sông*". Ngay sau khi số báo đó được phát hành, một phong trào biểu tình rầm rộ thu hút 15.000 người tham gia bao gồm học sinh, tiểu thương, trẻ em bán báo... đã kéo tới tòa báo kích liệt phản đối. Bị tẩy chay quyết liệt, tờ *Dân Báo* lập tức phải đóng cửa sau đó.

Lá cờ đỏ búa liềm lần đầu tiên xuất hiện công khai ở Hà Nội vào thời gian nào?

Sau khi thành lập vào ngày 17-6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng chủ trương tổ chức kỉ niệm những ngày lịch sử của phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế, qua đó nâng cao tinh thần yêu nước và Chủ nghĩa vô sản quốc tế cho Đảng viên và quần chúng cách mạng. Lần kỉ niệm thứ 12 Cách mạng

Tháng Mười, Nga
được Đảng bộ Hà
Nội hết sức chú
trọng. Chuẩn bị cho
lễ kỉ niệm, nhiều
tờ báo ở Hà Nội
như *Búa Liềm, Lao*



Động, Công Hội Đỏ đều ra số đặc biệt giới
thiệu về nhân dân Xô Viết cùng cuộc Cách
mạng Tháng Mười vĩ đại. Báo chí, truyền
đơn được rải khắp Hà Nội, thậm chí còn
chuyển đến nhiều tỉnh miền Bắc. Đêm ngày
6-11-1929, các chiến sĩ cách mạng Hà Nội
đã mưu trí, dũng cảm vượt qua nguy hiểm
để treo cờ đỏ búa liềm ở nhiều nơi khắp nội
và ngoại thành như: Tháp Rùa, cầu Long
Biên, ga Hàng Cỏ, sở Đốc Lí, nhà máy điện
Bờ Hồ, nhà máy Diêm, Bưởi, Phương Liệt,
Ngã Tư Sở, Ngã Tư Nhổn... Đây là lần đầu
tiên lá cờ đỏ búa liềm xuất hiện công khai
ở Hà Nội. Sự kiện quan trọng này đã tiếp
thêm một sinh lực chính trị mới cho phong
trào quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đông
Dương Cộng sản Đảng.

THĂNG LONG
TRUYỀN THỐNG &
HÀO HOA



Hội Gióng được tổ chức ở đâu, vào thời gian nào? Trong hội Gióng có những hoạt động gì?

Hội Gióng có sự tham gia của năm làng thuộc huyện ở hai bên bờ Bắc và Nam sông Đuống. Ba làng bên Bắc sông Đuống là Phù Dục (nơi ông Gióng sinh ra), Đồng Viên (quê mẹ ông Gióng) và Phù Đồng (điểm hội quân của ông Gióng). Hai làng bên bờ Nam sông Đuống là Đồng Xuyên (nay thuộc Đặng Xá, nơi mẹ ông Gióng trú ngụ một thời) và làng Hội Xá (quê hương của đám trẻ trâu đã theo ông Gióng ra trận).

Từ xa xưa đã có sự phân công: chỉ hai làng Phù Đồng và Phù Dục được luân phiên thay nhau làm giáp kéo hội tức là đăng cai, được cử các tướng Văn Lang điều khiển hội trận, các tướng tiên phong, đội hậu vệ và các đạo quân chính quy hàng trăm người

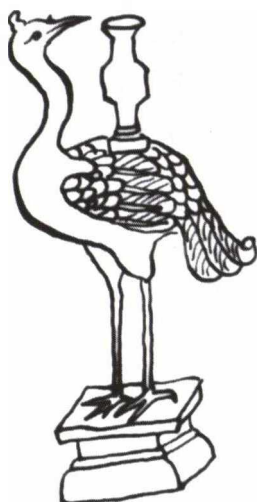
gồm các làng áo đỏ, làng áo đen, phù giá nội, phù giá ngoại. Còn Đồng Viên, Đồng Xuyên chỉ được góp đội quân lương. Làng Hội Xá đem đến hội phường múa hát Ải Lao và trò diễn bắt hổ.

Thực ra, hội Gióng bắt đầu từ chiều ngày mừng 5 tháng tư Âm lịch bằng cuộc diễn tập của các làng được cử các tướng Văn Lang điều khiển hội trận. Chiều mừng 6 rước nước. Sáng mừng 7 rước cờ. Ngày 8 rước cỗ. Trong các ngày này đều có hát Ải Lao. Ngày chính hội là mừng 9. Hội còn kéo dài qua ngày 10 (lau chùi vũ khí), ngày 11 thu dọn chiến trường, ngày 12 rước khám thờ. Ngày 15 mới làm lễ hạ hội.

Lễ hội nào được trải rộng khắp vùng núi đồi Ba Vì và quanh ngã ba sông Hồng, sông Đà nhắc chúng ta nhớ đến truyền thuyết về thần núi Tản Viên - vị thần đứng đầu trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam?

Đó chính là hội Đền Và. Đền Và, còn gọi là Đông Cung, ở xã Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, là một trong bốn cung điện

lớn thờ Tản Viên ở bốn phương (ba phương khác là: Tây cung (đền Hạ) ở xã Quang Minh; Nam cung ở xã Tản Lĩnh; Bắc Cung ở xã Tây Đằng, tất cả đều thuộc huyện Ba Vì). Hội mở 3 năm một lần (vào các năm Tí, Mão, Ngọ, Dậu), có tục thi đánh cá trên sông Tích từ Cầu Vang (nay thuộc xã Đường Lâm) đến cầu



Ái Mỗ (xã Trung Hưng). Trong lễ hội, người ta chọn 99 con cá chép to nhất để làm lễ dâng Thánh Tản vào ngày 15 tháng 9 Âm lịch. Đền Và còn tổ chức rước bài vị Thánh qua sông Hồng sang đình Giội (huyện Vĩnh Tường, Phúc Yên), lấy nước ở giữa sông về làm lễ tắm ngai. Đình Giội thờ một bà cất cỏ vô danh, theo truyền thuyết từng gánh nước sông Hồng gội cho Thánh Tản tắm mát sau chặng đường vất vả, bụi bẩn khi đi đánh giặc Thủy trở về.

Lễ hội về đức Thánh Tản ở làng nào của Hà Nội mà người dân mở tiệc cá gỏi làm bằng cá lăng, cá quất?

Đó là hội làng Cẩm Đái (nay thuộc xã Cẩm Lĩnh) và Tòng Lệnh (nay thuộc xã Tòng Bạt) thuộc huyện Ba Vì của Hà Nội. Truyền thuyết kể rằng, nhân một cuộc đi săn, đức Thánh Tản đã thân hành dẫn dân Cẩm Lĩnh ở chân núi Ba Vì về gặp dân Tòng Bạt ở hạ lưu sông Đà để kết nghĩa anh em. Dân Tòng Bạt rất vui mừng, đánh bắt cá lăng, cá quất là những loại cá quý trên sông để làm lễ kết nghĩa với người anh em ở vùng cao. Hằng năm, vào ngày 12 tháng hai, người dân ở hai làng này vẫn giữ nguyên tục lệ cùng nhau mở tiệc cá gỏi làm bằng cá lăng, cá quất dâng lên ban thờ để kỉ niệm ngày dân hai làng cùng chung bữa cơm cá với Thánh Tản và cũng là để họp mặt cùng vui.

Lễ hội nào gợi nhớ đến chiếc mộc của Thánh Tản tạo thành để giúp dân lấy nước chống hạn?

Đó là hội làng Quy Mông (ở xã Phú Sơn, huyện Ba Vì). Tương truyền giếng nước Áng Tràm ở làng Quy Mông là do chiếc mộc của Thánh Tản tạo thành để giúp dân lấy nước chống hạn. Mười ba làng vùng cao quanh đây nhớ ơn, hằng năm vẫn rước ngai thờ về giếng làm lễ cầu mưa thuận gió hòa. Cúng tế xong, nhân dân thường trở về đình làng để bày trò vui cướp bưởi. Họ đào một hố sâu nhỏ giữa sân đình. Trai đình chia làm hai giáp. Tung quả bưởi lên cao, bên nào tranh cướp được bưởi và ném trúng vào lỗ là thắng.

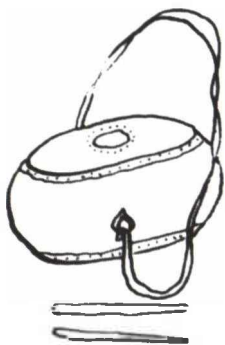
Lễ hội lớn nhất về đức Thánh Tản được tổ chức ở đâu? Diễn ra trong thời gian nào?

Lễ hội lớn nhất về Thánh Tản là hội làng Khê Thượng (xã Sơn Đà, huyện Ba Vì). Hội kéo dài trong nhiều ngày vào dịp tết Nguyên Đán. Từ tối ba mươi, làng đưa thuyền ra sông Đà. Khi vào hội, rước quân đức Thánh Tản qua bến đò Bợ. Lễ quy định phải chở ba lượt vì quân theo Ngài rất đông. Chiều mừng

hai Tết, dân làng rước kiệu lên đê bái vong Ngai và đến đêm lại tập nập chèo thuyền sang sông ba lượt đón quân về. Từ mùng 3 Tết, sân đình rộn tiếng trống đầu vật. Mùng 7, mở hội "chém may", một số trai làng có đức hạnh được dân cử ra, cởi trần, đóng khố đỏ, chít khăn đỏ, tay trái cầm con thuyền giấy màu đỏ, tay phải múa lưỡi dao. Theo quy định từ xưa truyền lại, con dao dài bằng 9 lần chiều ngang của bàn tay người lớn và được mài sắc. Theo nhịp trống, những người múa dao tiến lên chém đổ hàng chuối dựng trước mặt. Nếu đường dao đi ngọt, một nhát đứt ngang thân chuối thì là điềm may, năm đó sẽ mưa thuận gió hòa bởi vì Thủy Tinh sợ tài chém ngọt của quân Thánh Tản nên không dám về dâng lũ lụt nữa.

Hội làng Quan Nhân mở hàng năm là để tưởng nhớ đến ai?

Theo truyền thuyết, Hùng Lãng Công vốn dòng dõi vua Hùng, tinh thông văn võ, được giao làm huyện trưởng Vũ Tiên, có



công dẹp loạn Nam Chiếu. Sau đó, ông tình cờ gặp người con gái tài sắc vẹn toàn dòng họ Trương ở trang Quan Nhân, xã Nhân Mục Môn, huyện Thanh Trì tên là Trương Mị Nương. Hai người đã nên vợ chồng. Ít lâu sau, nàng xin được về thăm quê ở ấp Quan Nhân. Hôm đó là ngày 18 tháng giêng, dân làng dựng quán sớ để vợ chồng Hùng Lãng Công tạm ở, sau đó đến nhà phu nhân để yết bái gia tiên rồi trở về. Từ khi ông bà rời khỏi Quan Nhân, làng xóm bỗng bị bệnh dịch hoành hành, dân làng lập đàn tế lễ. Rồi người làng bỗng mộng thấy một người mặc áo xanh, tay cầm cờ trắng từ trên trời giáng xuống, nói là sứ giả nhà trời xuống giúp dân làng. Ngày 12 tháng ba, dân làng đã làm lễ tạ. Từ đó, tật bệnh được tiêu trừ, người vật yên lành. Để báo

đền công ơn thần, Hùng Lãng Công hứa cho dân làng được làm hộ nhi, miễn trừ sai dịch để lo thờ phụng thần. Lúc này, có giặc đông tới hơn vạn quân kéo đến biên ải, triều đình sai tướng lĩnh đem quân ra chặn giặc. Hùng Lãng Công được phong làm Bồ chánh quan, lĩnh quân thuỷ bộ ứng chiến, nhưng vì quân ít thế cô, không chịu để giặc bắt đã nhảy xuống sông tuần tiết. Trương Mị Nương nghe tin chồng chết cũng quyên sinh theo.

Làng Quan Nhân thờ ông bà làm thành hoàng, hằng năm dân làng Quan Nhân mở hội lớn từ ngày 10 đến ngày 13 tháng giêng, lễ thánh hoá vào ngày hai tháng 8.

Hội thổi cơm thi ở làng Thị Cẩm, huyện Từ Liêm có đặc điểm gì?

Làng Thị Cẩm thờ Phan Tây Nhạc, tương truyền là tướng của vua Hùng thứ mười tám. Ông từng đóng quân ở Thị Cẩm, thường tổ chức cho quân lính thi thổi cơm để rèn luyện cho quen những lúc hành quân. Sau khi ông mất, dân làng tôn ông làm Thành hoàng làng và hằng năm vào ngày mừng 8 Tết mở hội thi thổi cơm để nhắc nhở tích xưa.

Cả làng có 4 giáp, mỗi giáp cử một đội gồm 10 người quần trắng, áo the, thắt lưng màu (mỗi giáp một màu để dễ phân biệt). Hội đồng chấm thi gồm những người có chức vị trong làng cùng một số vị sành về đánh giá chất lượng cơm thối. Góp vui cho hội thi có phường bát âm tấu nhạc, trống chiêng và khi kết thúc mỗi công đoạn đều có đốt pháo mừng. Cuộc thi chia làm ba giai đoạn:

1-Thi lấy nước.

2-Thi kéo lửa.

3-Thi thối cơm (giã thóc, sàng thóc lấy gạo, giã gạo, lấy gạo trắng, thối cơm).

Tiêu chuẩn đánh giá cơm đoạt giải là: cơm chín, trắng, dẻo, không có hạt đốn và sượng. Đun bếp bằng rơm, dùng tro rơm vùi kín để cơm chín. Để kéo dài thời gian cho cơm chín nục, các giáp thường đốt vun nhiều đống tro rơm khiến người chấm thi phải cật công tìm kiếm. Thời gian dành cho việc thi tài kéo dài khoảng 2 tiếng. Kết thúc phần thối cơm thi là việc công bố và trao giải cho giáp nào đoạt nhiều giải nhất qua ba công đoạn.

Đề tường nhớ về cội nguồn Cổ Loa, lễ hội của làng nào diễn lại việc An Dương Vương xây thành ốc, bị ma gà phá hoại và sau đó nhờ Huyền Thiên Trấn Vũ trừ diệt ma gà?

Đó là lễ hội ở làng Nhội (thôn Thụy Lôì, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh), có tục rước vua sống vào ngày 12 tháng giêng. Truyền thuyết kể rằng, An Dương Vương bị con kê tinh (ma gà) phá hoại mà xây thành Cổ Loa mãi không xong. Huyền Thiên Trấn Vũ giúp nhà vua diệt trừ ma gà. Cảm tạ công đức của ngài, An Dương Vương đã cho dựng đền trên đỉnh núi Sái để thờ ngài. Nhà vua hằng năm đến đây lễ tạ. Tục lệ ấy được làng Nhội gìn giữ, còn gọi là Hội rước vua sống (hay Hội đền Sái). Cụ ông cao tuổi nhất làng được tôn làm vua sống, áo bào, mũ mào chỉnh tề, ngự giá ở thềm đình để dân làng rước lên đền trên núi Sái. Đám rước có tướng Thanh Giang tức thần Kim Quy dẹp đường, những gộc tre mang hình đầu gà và thầy tu cầm gươm đi bên. Đến đền, thầy tu chém ba nhát gươm vào một hòn đá làm lễ "ướm

gươm” rồi đổ tượng trưng bát máu gà lên đá coi như đã trừ xong yêu quái.

Vào ngày giỗ Hai Bà Trưng, dân làng Hát Môn và người Hà Nội xưa thường dâng cúng Hai Bà món bánh gì?



Tục truyền trước khi tuần tiết, Hai Bà Trưng đã trở lại Hát Môn và mỗi bà ăn một đĩa bánh trôi ở một quán hàng ven đê. Chính vì vậy mà vào ngày 8 tháng 3 âm lịch hằng năm, để tưởng niệm ngày Hai Bà hi sinh vì dân vì nước, dân làng Hát Môn có tục làm bánh trôi dâng cúng Hai Bà. Trước ngày này, dân làng không ăn bánh trôi. Theo tục

lệ, phải nặn 100 viên nhỏ, tể Hai Bà xong thì đặt 49 viên vào trong lá sen, rồi thả xuống sông Hát cho trôi ra biển. Có thuyết cho rằng vì thế mà bánh có tên "bánh trôi" và 100 viên là tượng trưng cho một bọc 100 trứng của mẹ Âu Cơ. Hát Môn không chỉ là nơi Hai Bà Trưng tuần tiết mà còn là nơi Hai Bà tự nghĩa, trước lúc đăng quang lên ngôi vua ở Mê Linh. Đền Hát Môn còn lưu giữ nhiều dấu tích anh hùng của Hai Bà Trưng.

Đình Trung Nha ở Nghĩa Đô thờ ai? Sự tích về các vị thành hoàng này như thế nào?

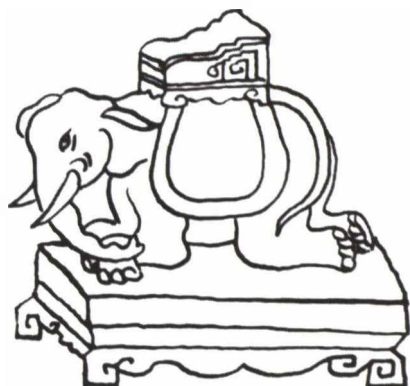
Đình Trung Nha ở Nghĩa Đô thờ tướng quân Trần Công Tích và hai người vợ của ông. Chuyện kể rằng khi vua Lê Đại Hành lên ngôi vào năm 980, ông đã cho đóng đô ở Hoa Lư, Ninh Bình. Tướng quân Trần Công Tích về vùng đất ngã ba sông Tô Lịch và Thiên Phù, thuộc đất thôn Trung Nha (nay là làng Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội) để chiêu binh tập sĩ. Ở làng Trung Nha, ông Lê Nghiêm và bà Nguyễn Thị Minh có hai con gái xinh đẹp là Hồng Nương và Quế Nương. Khi tướng quân Trần Công Tích về

lập bản doanh ở đây và mở hội thi kén người nấu nướng tài giỏi để phục vụ nghĩa quân đánh giặc, hai cô đã tham gia và giành chiến thắng. Nơi mở hội thổi cơm thi được người địa phương gọi là bãi Cơm Thi.

Mùa xuân năm 981, nhà Tống sai các tướng Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng đánh vào cửa ải Lạng Sơn. Trần Khâm Tộ đánh vào cửa Tây Kết, Lưu Chừng đánh vào cửa Bạch Đằng. Tướng quân Trần Công Tích được cử đem quân lên phía Bắc, Hồng Nương và Quế Nương cũng đi theo. Trong trận quyết chiến với giặc ở miền biên ải, cánh quân của ông đã cùng đại quân chém đầu tướng giặc là Hầu Nhân Bảo ở vùng Chi Lăng, khiến cho quân nhà Tống khiếp sợ, phải rút chạy về nước.

Đất nước thanh bình, tướng quân Trần Công Tích về Nghĩa Đô. Cảm phục trước tài sắc của Hồng Nương và Quế Nương, ông đã cưới hai người làm vợ. Sau khi ông mất đã được nhân dân thờ làm thành hoàng, hai bà vợ được phối thờ.

**“Đôi ta đã thốt lời thề. Con dao lá trúc
đã kê tóc mai. Hẹn rằng ai chớ quên
ai...”** Câu ca này của người Hà Nội xưa
nhắc đến lễ hội nào?



Câu ca trên nhắc đến lễ hội đền Đồng Cổ - một hội thề ở kinh thành Thăng Long xưa. Đền Đồng Cổ thờ thần Trống Đồng tọa lạc ở vùng Yên Thái, tức Bưởi ngày nay. Cứ đến ngày 4 tháng tư Âm lịch, hội lại được mở. Hội đền Đồng Cổ bắt nguồn từ một lễ tục của các triều đại Lý, Trần, Lê nhằm ràng buộc các quan giữ lòng trung với nhà vua. Tuy nhiên, theo sử cũ, vào ngày mở hội, nhân dân khắp nơi, đặc biệt là trai gái, cũng tới

đứng chật đường. Về sau, tại đền Đồng Cổ, không chỉ có vua quan theo lệ tới ăn thề mà cả nam nữ thanh niên của kinh thành cũng kéo tới thề thốt việc trăm năm. Trải qua gần 1000 năm lưu truyền, hội thề đền Đồng Cổ tượng trưng cho khí phách của người Việt, động viên sức mạnh đoàn kết dân tộc.

Vào thời Lý, hằng năm, cứ đến ngày mừng 8 tháng tư, vua Lý lại tới chùa Một Cột để thực hiện nghi thức gì?

Đó chính là lễ tắm Phật - một lễ thức cầu nước thời tiền sử được Phật giáo hóa. Vào dịp lễ, nhân dân Thăng Long và các vùng phụ cận đi dự rất đông. Sau lễ tắm Phật là lễ phóng sinh. Vua đứng trên đài cao trước chùa, cầm một con chim rồi thả cho bay đi. Sau đó, nhân dân reo hò và cũng tung chim cho bay theo. Theo miêu tả trong sử sách, khi ấy bầu trời rợp cánh chim bay, quang cảnh lễ hội vô cùng náo nức, tưng bừng. Như vậy, tục thả chim vốn mang tính chất tôn giáo, cung đình và đã trở thành một lễ tục thật đậm đà màu sắc dân gian.

Thành hoàng Thăng Long là ai? Truyền thuyết về vị thành hoàng này như thế nào?

Sách *Lĩnh Nam chích quái* chép rằng: Đời Đường, Cao Biền đóng ở nước ta, đắp thêm La Thành. Vừa đắp xong, một buổi sáng, Cao Biền đi dạo phía ngoài cửa đông thành bỗng trời nổi mưa to gió lớn, rồi có năm sắc rực rỡ bốc từ mặt đất lên tới trên không tụ lại thành mây ngũ sắc, ánh sáng loé mắt. Một dị nhân mặc áo màu sắc sỡ, trang sức lộng lẫy, cười rống, lơ lửng trên mây, khí thế ngùn ngụt, bay lên lượn xuống hồi lâu mới tan. Biền kinh ngạc cho là ma quỷ. Đêm ấy mộng thấy thần nhân đến nói: "*Ông đương có bụng ngờ, ta không phải là yêu khí. Ta chính là Long Đỗ Vương chính khí thần. Vì muốn xem thành mà hiện ra đó thôi*". Biền tỉnh dậy, than rằng: "*Ta không khuất phục được người phương xa chẳng mà đến nổi để cho ngoại quỷ dòm ngó, điều không hay của mình đây!*".

Có người khuyên lập đàn, dùng sắt đúc tượng để yểm, Cao Biền bàn làm theo. Vừa đọc thần chú, trời bỗng mịt mù, mưa gió giạt ùng ùng, tượng sắt nát vụn. Cao Biền sợ

hải, ý muốn quay về phương Bắc. Người đời lấy lạ, bèn lập đền ở phía đông kinh thành gọi là đền Long Đỗ.

Về sau Lý Thái Tổ dời đô ra đây, xây thành, lại mộng thấy thần tới chúc mừng. Vua nói: *"Người có thể chắc sẽ được hương lửa trăm năm chăng?"*. Thần đáp: *"Mong Thánh thượng được trường thọ vạn năm, thần đâu há chỉ hưởng trăm năm hương lửa"*. Vua tỉnh dậy, sai cúng tế, lại phong làm Thăng Long Thành Hoàng Đại Vương.

Ngọc Hoa công chúa được thờ ở đâu? Truyền thuyết về nàng công chúa này như thế nào?

Ngọc Hoa công chúa là con gái Trần Huân, người vùng Phúc Lâm, Châu Ái ra Thăng Long dạy học. Tương truyền một hôm vợ ông đi chợ nhặt được tay nải đầy châu báu mà vẫn tìm người để trả lại. Đêm ấy bà mộng thấy Vương Mẫu khen bà là người có đức nên ban cho Ngọc Tinh Nữ xuống làm con. Sau đó bà có thai và sinh được một bé gái, đặt tên là Ngọc Tường. Năm lên 9 tuổi,



Ngọc Tường theo cha sung vào đại quân của Lý Thường Kiệt đi đánh quân Chiêm Thành. Trên đường hành quân, quân ta hạ trại ngay sát đồn của giặc. Cô bé Ngọc Tường đã chủ động xin đến gặp chủ tướng và dâng trình mưu kế. Trong khi quân ta vẫn án binh bất động thì cô bé cải trang trà trộn sang phía trại giặc đóng quân để bán thuốc lao và trầu cau, cố gắng ghi nhớ các vị trí đóng quân, cách bố phòng, quân số từng chỗ và những điều cần thiết để cung cấp cho quân ta chuẩn bị đánh một trận tổng lực. Trước ngày khởi sự, cô bé đã tẩm thuốc mê vào trầu cau để bán cho quân giặc. Nhân cơ hội đó, quân ta tấn công ác liệt và giành thắng lợi. Trên đường凯旋 hoàn, người ta không còn thấy cô bé có mặt trong đoàn quân.

Về đến triều đình, lão tướng Lý Thường Kiệt đúng sự thật tâu trình lên vua Lý Nhân Tông, nhà vua đã sắc phong cho cô bé là Ngọc Hoa công chúa và sai dân lập đền thờ tại trại Đại Bi, tức làng Đại Yên (phường Ngọc Hà, quận Ba Đình ngày nay).

Trên đất Thăng Long - Hà Nội, Thái sư Thượng phụ Trần Thủ Độ được nhân dân thờ phụng ở đâu?

Trần Thủ Độ là thái sư đầu triều nhà Trần. Ông là công thần sáng lập triều Trần và cũng là người thực tế nắm quyền lãnh đạo đất nước những năm đầu triều Trần trong khoảng gần 40 năm (1226-1264). Ông là một trong những nhân vật kiệt xuất, đi đầu trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Để tưởng nhớ công ơn của tiền nhân, trên đất Thăng Long - Hà Nội, tại chùa Cầu Đông (ở 38B, phố Hàng Đường, quận Hoàn Kiếm), nhân dân đã thờ phụng Thái sư Thượng phụ Trần Thủ Độ cùng vợ ông là Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung.

“Đả ngư xuân” là gì?

“Đả ngư xuân” là một nghi thức trong lễ lập xuân. Theo *Việt sử lược* thì năm 1048, vua Lý Thái Tông xuống chiếu định phép “Đả ngư xuân”. Trong sách *An Nam chí lược*, có ghi “*Tiết lập xuân, vua sai vị trưởng họ dùng roi đánh vào con trâu bằng đất, sau đó, các quan liêu đều cài hoa lên mũ, rồi vào cung dự yến tiệc*”. Dân chúng đi trong đám rước “ngư xuân” thường hát câu ca “*Bao giờ mang hiện đến ngày/ Cày bừa cho kĩ mà này đem gieo...*”. Ngạn ngữ cổ Hà Nội còn có câu “*Trâu trắng đi đâu mất mùa bầu đầy*” là để nói năm trâu đất tiến lễ ứng vào màu trắng thì coi như điềm báo mùa màng sẽ kém.

Tại Hà Nội, Thánh Bưng được thờ ở đâu?

Thánh Bưng tức Đô thống đại vương Lê Phụng Hiểu, được thờ làm thành hoàng ở đình làng Phú Xá Đoài, nay thuộc xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Hội làng Phú Xá Đoài để tưởng nhớ công ơn của Lê Phụng Hiểu được tổ chức vào ngày 12 tháng mười hằng năm. Lê Phụng Hiểu vốn là người



Băng Sơn (Hoàng Hoá, Thanh Hoá). Tương truyền ông là người có sức khoẻ lạ thường, đã có công giúp vua Lý Thái Tông dẹp “Loạn tam vương” (1028), đánh tan giặc Chiêm Thành (1044).

Chiến thắng trở về, Lê Phụng Hiếu chỉ xin vua cho về quê nhà, đứng trên núi Băng Sơn ném con dao lớn ra xa. Dao rơi xuống nơi nào thì xin ban cho vùng ấy để dựng nghiệp. Vua ưng thuận. Tương truyền, Lê Phụng Hiếu về Hoàng Hoá (Thanh Hoá), lên núi Băng Sơn vung tay ném dao xuống núi. Dao bay ra xa tít tắp. Lát sau mới rơi xuống cách chỗ Lê Phụng Hiếu có đến trên mười dặm. Dao rơi xuống hướng Đa Mi. Tính ra hơn nghìn mẫu ruộng. Vua xuống chiếu lấy

ruộng đất đó ban cho ông làm trang trại riêng. Người sau nhân đó gọi ruộng đất vua phong thưởng cho người có công là thác đao điền (ruộng ném đao). Sau khi mất, ông được thờ làm Phúc thần, tục gọi là Thánh Bung. Ngày trước, hằng năm cứ đến mồng 8 tháng 2 Âm lịch, dân làng Bung lại làm lễ mừng Thánh.

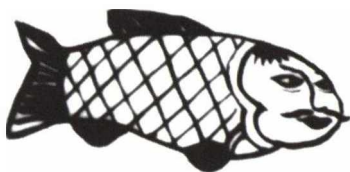
Quốc sư Minh Không được thờ phụng ở đâu? Truyền thuyết về ông như thế nào?

Quốc Sư Nguyễn Minh Không tên thật là Nguyễn Chí Thành, sinh tại xã Đàm Xá, phủ Tràng An. Năm 11 tuổi, ông từ biệt song thân, dốc lòng quy y Phật pháp, cầu đạo với thiền sư Từ Đạo Hạnh theo dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi đời thứ 13. Nguyễn Chí Thành là một môn đệ tài giỏi nên được thiền sư ban cho pháp danh là Minh Không. Ông không chỉ thông tuệ Phật pháp, được giới tăng ni ngưỡng vọng, được nhà vua kính trọng mà còn tinh thông nghề thuốc cứu độ. Ông chủ trì ở chùa Giao Thủy, Nam Định, được thiền sư Từ Đạo Hạnh rất mực tin tưởng. Theo

truyền thuyết, trước khi hoá, Từ Đạo Hạnh còn giao cho ông bùa thuốc và dặn rằng, hai mươi năm sau thấy vua bị bệnh lạ thì đến chữa ngay. Sau đó thiền sư Từ Đạo Hạnh đầu thai làm thái tử Dương Hoán (sau này lên ngôi vua, hiệu là Thần Tông). Đến tháng ba năm 1136, quả nhiên vua bị bệnh nặng, lông lá mọc khắp thân thể, suốt ngày gầm thét như hổ, các danh y đều không chữa được. Quốc sư Minh Không được vời vào triều và chữa khỏi bệnh cho nhà vua. Ngày 1 tháng tám niên hiệu Đại Định thứ hai (1141), Quốc sư đã hoá tại chùa Giao Thủy, thọ 76 tuổi. Vua Lý Thần Tông đã cho dựng đền thờ Nguyễn Minh Không ngay trên nền nhà là nơi Quốc sư thường nghỉ lại trong những lần về kinh đô chữa bệnh cho vua và nhân dân. Đền tọa lạc trên đất làng Tiên Thị, tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương (nay là phố Lý Quốc Sư, Hà Nội).

Thành hoàng làng Lệ Mật là ai? Lễ hội của làng này có gì đặc biệt?

Thành hoàng của làng Lệ Mật là Hoàng Phúc Trung. Ông được thờ ở đền Lệ Mật.



Tương truyền, vào thời Lý, từ năm 16 tuổi, ông đã trở thành một võ sĩ tài giỏi, sức mạnh hơn người, được tuyển vào cung làm thị vệ. Một lần, con gái vua Lý đi chơi thuyền trên sông Thiên Đức chẳng may bị đắm thuyền, không tìm thấy xác. Vua Lý rất buồn phiền, cho xá nhân đi rao khắp vùng, hứa hẹn phong thưởng cho ai tìm được. Hoàng Phúc Trung xin đi tìm, ông đưa thuyền đến chỗ xoáy nước, lặn xuống, giao đấu với thủy quái, giành giật lại thi hài công chúa mang về. Vua Lý mừng lắm, ban thưởng rất hậu, nhưng ông không nhận, chỉ xin được đưa dân làng Lệ Mật sang miền đất phía tây của Quảng Phúc khai khẩn, trồng cấy. Vua Lý ưng theo. Thế là bà con làng Lệ Mật vượt Nhị Hà sang quê mới. Họ khai khẩn đất hoang và sớm hình thành một vùng nông nghiệp gọi là "thập tam trại" (13 trại). Đến nay, các "trại" xưa đã bị "đô thị hoá", nhưng

nhân dân vẫn nhớ hằng năm về cự quán Lê Mật để làm lễ tổ. Tục cũ của vùng Lê Mật tin rằng trước ngày hội lễ long trọng thường có mưa to gió lớn. Cá chép Hồ Tây đã theo mây bay về giếng thờ làng Lê Mật, dân làng thường tát giếng, bắt cá dâng cúng thần.

Ông tổ nghề thêu và nghề lọng được thờ ở đâu?

Lê Công Hành được coi là tổ nghề thêu và nghề làm lọng. Tương truyền, ông nổi tiếng thông minh từ lúc còn nhỏ, đỗ tiến sĩ vào thời vua Lê Chân Tông. Năm 1646, Lê Công Hành được cử đi sứ Trung Quốc. Để thử tài sứ thần nước Việt, vua nhà Minh nhốt ông trên một lầu cao, rút thang đi, không cho ai lai vãng, cũng không cho ông ăn uống. Trên lầu có pho tượng Phật, ông nhanh trí bẻ tượng ra ăn. Hoá ra tượng Phật được nặn bằng bột chè lam, vậy là suốt mấy ngày Lê Công Hành đều không bị đói. Trên lầu cao, ông tỉ mỉ lấy tấm nghi môn xuống tháo ra rồi đan lại. Ông cẩn thận xem và nhớ kĩ cách thêu thùa. Sau đó ông quan sát mấy chiếc lọng thờ, tháo ra chấp vào, xem xét vải sơn

vải lợp, cùng cách lắp cán, lắp chân. Nhờ vậy ông hiểu được cách làm lọng, kĩ thuật thêu của Trung Quốc.

Mãi không thấy được cho ra khỏi lều, ông có sáng kiến lấy hai chiếc lọng kẹp chặt hai bên hông, nhẩy ra ngoài xuống đất an toàn. Triều đình nhà Minh đành phải cho ông về nước. Lê Công Hành đã đem kinh nghiệm thu lượm được về thêu lọng dạy cho dân làng Quất Động và sau đó ở nhiều làng khác. Sau đó dân chúng ở các làng này đến Thăng Long hành nghề, đã lập ra phố Thợ Thêu. Bà con còn mở hiệu thêu ra các phố Hàng Lọng, Hàng Bài, Hàng Vĩ và ngõ Hàng Mành. Dân các làng thêu ở Hà Nội hành nghề, lập các phường phố, tôn ông làm tổ sư ngành thêu. Ngày 12 tháng sáu được lấy làm ngày giỗ tổ nghề thêu ở Việt Nam.

Đàn Nam Giao thời Lê được xây dựng ở đâu? Vị trí tại Hà Nội ngày nay?

Đàn Nam Giao thời Lê được xây dựng trên địa bàn tổng Tả Nghiêm, huyện Thọ Xương (nay ở vào khu vực nhà máy cơ khí

Trần Hưng Đạo, phố Mai Hắc Đế). Mỗi năm, cứ ba ngày tết, triều đình lại chọn một ngày tốt làm lễ Tế Giao do nhà vua đích thân chủ trì. Tế Giao là lễ tế Trời, một lễ thức nông nghiệp nhằm cầu cho mưa thuận gió hoà, người yên vật thịnh. Những năm cuối thời Lê - Trịnh, kinh thành Thăng Long không ổn định vì các tập đoàn phong kiến tranh giành nhau quyền lực, loạn “kiêu binh” rồi lại đến quân Thanh xâm lược nên lễ Tế Giao không được tổ chức. Phải tới thời Tây Sơn, vào khoảng năm 1800, Nguyễn Quang Toản hay Cảnh Thịnh hoàng đế, là con trai thứ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) ra Bắc Hà mới lập đàn Tế Giao bên Hồ Tây rất trọng thể.

Lễ Lập xuân của Thăng Long xưa là lễ gì? Đàn tế lễ Lập xuân ở đâu?

Lễ Lập xuân là lễ mừng ngày Lập xuân. Vào dịp Đông chí, quan Tư thiên giám (chức quan đứng đầu toà Khâm Thiên giám, là cơ quan xem thiên văn và làm lịch) tâu trình cho vua biết ngày Lập xuân và dâng mẫu tượng thần Câu Mang, Xuân Ngu. Xuân Ngu



là tượng con trâu bằng đất, Mang Thần là tượng của thần chủ mùa xuân. Mỗi năm, tượng trâu được nhuộm một màu ứng với năm đó theo cách tính âm dương ngũ hành. Bộ Công theo mẫu đắp tượng người đất và trâu đất to bằng người thật. Đàn tế lễ dựng ở phường Đông Hà (phố Hàng Chiếu ngày nay, nhằm hướng chính đông của kinh thành). Lễ tế vào đúng giờ Tí (nửa đêm) mở đầu ngày Lập xuân.

Đàn Xà Tắc được dùng để làm gì? Vị trí của đàn Xà Tắc giờ ở đâu?

Đàn Xà Tắc được lập ra để tế Xà thần (Thần Đất) và Tắc thần (Thần Lúa). Đây được coi là hai vị thần của nền văn minh lúa

nước. Vào mùa xuân, để khuyến khích nông nghiệp, nhà vua thường sai quan khâm sai hoặc đích thân mình tới tế lễ ở đàn Xã Tắc, cầu cho đất nước quanh năm được mùa. Đàn Xã Tắc được dựng ở "phía nam La Thành, bên cửa Quốc Bình" (nay ở phường Nam Đồng, quận Đống Đa, đường Xã Đàn có dấu tích của đàn Xã Tắc xưa). Cũng để khuyến nông, nhà vua còn tế thần Tiên Nông rồi tự tay cày luống đất mở đầu năm mới trên thửa ruộng gọi là "tịch điền" để cầu may.

Địa phương duy nhất ở Hà Nội có đền thờ Nguyễn Trãi là ở đâu?

Nguyễn Trãi là một danh nhân thời Lê, hiệu là Úc Trai, quê ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông sinh năm 1380 và mất 1442.

Tại làng Khuyến Lương, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai có đền thờ Nguyễn Trãi. Theo người làng kể lại, ngày xưa, trong thời gian ở Thăng Long, Nguyễn Trãi có về Khuyến Lương mở trường dạy học. Nơi đây vốn là một gò đất cao, ông dành cho các nho

sinh ngồi học. Ngày trước dân cư còn thưa thớt, hằng ngày ngồi giảng bài ở đây, qua đầm nước mênh mông, ông có thể nhìn thấy cả kinh thành xa xa ở phía Bắc. Nguyễn Trãi có những ngày tháng sống và gắn bó với nơi này. Có thể bài thơ *Nôm Góc Thành Nam* là Nguyễn Trãi đã viết ở nơi đây. Khi Nguyễn Trãi, Nguyễn Thị Lộ mất, dân làng nhớ ơn dựng đền thờ, gọi là Đền Ông. Làng Khuyến Lương trước có 6 phe. Phe Năm và phe Lục giữ việc hương khói ngày rằm, mồng một và tổ chức giỗ cụ vào ngày 16 tháng 8 Âm lịch.

Làng quê nào của Hà Nội còn giữ được di tích và sinh hoạt của giáo phường hát cửa đình đặc trưng của Thăng Long xưa?

Hát cửa đình là một loại hình diễn xướng tổng hợp nhiều bộ môn: ca nhạc, múa đã đạt trình độ ổn định. Trong hội làng tại các cửa đình, giáo phường cử các ả đào và kép đàn trình diễn ca múa nhạc để tế thần và chúc tụng mua vui giải trí cho dân làng. Tại Hà Nội, làng Lỗ Khê (Liên Hà, Đông Anh) là nơi còn giữ được di tích và sinh hoạt của giáo

phường xưa. Đây cũng là nơi duy trì được nền nếp hát cửa đình. Làng thờ vợ chồng ông Đinh Cự (một tướng tài của Lê Lợi) và Dương Hao, tương truyền là những người đầu tiên truyền bá nghề đàn phách ca múa, lập ra giáo phường Lỗ Khê, mở ra lối hát cửa đình truyền thống của Thăng Long - Hà Nội.

Hội thơ đầu tiên của Đại Việt được lập ở Thăng Long tên là gì? Có bao nhiêu hội viên?

Đó là Tao Đàn nhị thập bát tú - Hội thơ gồm 28 hội viên do chính vua Lê Thánh Tông làm nguyên súy, thành lập vào mùa đông năm 1495, tại Thăng Long.



28 người được chọn vào Tao Đàn ứng với 28 chòm sao. Điều này dựa theo quan niệm của thiên văn học cổ trung đại phương Đông.

Theo chính sử, 28 thành viên Tao Đàn là Đỗ Nhuận, Thân Nhân Trung, Ngô Luân, Ngô Hoán, Nguyễn Trùng Xác, Lưu Hưng Hiếu, Nguyễn Quang Bật, Nguyễn Đức Huân, Vũ Dương, Ngô Thâm, Ngô Văn Cảnh, Phạm Chí Kiêm, Lưu Thư Ngạn (Lưu Thư Mậu?), Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Tôn Miệt, Ngô Quyền, Nguyễn Bảo Khuê, Bùi Phổ, Dương Trực Nguyên, Chu Hãn, Phạm Cẩn Trực, Nguyễn Ích Tồn, Đỗ Thuần Thứ (Đỗ Thuần Thông?), Phạm Như Huệ, Lưu Dịch, Đàm Thuận Huy, Phạm Đạo Phú, Chu Huân.

Có sách còn chép có Nguyễn Trực, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên, Lê Tuấn Ngạn, Phạm Phúc Chiêu, Sái Thuận. Có thể có sự bổ sung, thay đổi thành viên trong hội hoặc do đời sau thêm vào.

Trong đó, một số hội viên là người Thăng Long như Đỗ Nhuận, Đàm Thuận Huy...

Thần tổ nghề dát thiếc được thờ phụng ở đâu? Truyền thuyết về ông như thế nào?

Nguyễn Chính quê ở thôn Đại Từ, huyện Thanh Trì (nay thuộc phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội). Ông sinh năm 1562, đỗ tiến sĩ năm 1602, làm đến chức Tả thị lang bộ Lại, phong tước Quế Xuyên Bá.

Năm 1613, Nguyễn Chính được cử làm phó sứ sang Trung Quốc cùng Lưu Đình Chất và Nguyễn Đăng. Trong thời gian ở Trung Quốc ông đã chú ý học được nghề dát thiếc dùng trong việc trang trí và làm vàng mã. Về nước, ông đã đem nghề này truyền cho dân trong vùng nhưng chỉ có làng Giáp Lục là tiếp nhận được. Đây là nơi ông đã mở trường dạy học và cư trú trước khi đi thi. Dát thiếc là một nghề tinh xảo, đòi hỏi kĩ thuật cao, công việc yêu cầu tỉ mỉ. Sản phẩm thiếc dát của Giáp Lục giá thành thấp, được sử dụng khá rộng và phát triển mạnh, giúp Giáp Lục hưng thịnh. Khi tiến sĩ Nguyễn Chính mất, ông được dân làng tổ chức lễ tang trọng thể và an táng trên cánh đồng làng. Để ghi nhớ công ơn vị tổ sư đã truyền nghề, dân làng Giáp Lục đã tôn ông

làm thành hoàng làng. Đình thờ Nguyễn Chính quy mô khang trang, nhìn ra sông Sét. Hằng năm, vào ngày Thánh kỵ 18 tháng chạp, dân làng sửa lễ thần tại đình và vào nhà thờ Nguyễn Chính ở Đại Từ dâng hương tưởng niệm.

Bài phú Nôm đầu tiên viết về Thăng Long ra đời vào thế kỉ nào? Ai là tác giả?

Phụng Thành xuân sắc phú (bài phú về cảnh sắc xuân của Thành Phượng) là bài phú Nôm đầu tiên viết về Thăng Long. Tác giả là Nguyễn Giản Thanh người làng Me, Hương Mặc (Từ Sơn, Bắc Ninh).

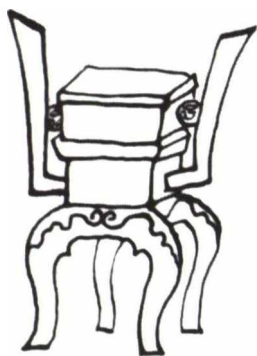
Nguyễn Giản Thanh xuất thân từ một gia đình trí thức Nho học, cha là Tiến sĩ Nguyễn Giản Liêm. Ông được trực tiếp học thầy - Tiến sĩ Đàm Thuận Huy (1463-1528). Sau này, Nguyễn Giản Thanh đỗ Tiến sĩ Đệ nhất giáp (Trạng nguyên) khoa thi Đoan Khánh năm thứ tư (1508), đời vua Lê Uy Mục.

Phụng Thành xuân sắc phú vốn là đề thi ra cho những người dự kì thi Đình năm 1508. Điều lí thú là chính bài phú Nôm

này đưa Nguyễn Giản Thanh lên hàng đầu, thành giai thoại "Trạng Me đề Trạng Ngọt". Trạng Me chính là Nguyễn Giản Thanh (gọi theo tên làng của ông). Trạng Ngọt ở đây là Hứa Tam Tỉnh, người làng Ngọt, huyện Yên Phong, Bắc Ninh, Bắc Việt, cùng khoa thi với Giản Thanh nhưng đỗ Bảng nhãn.

Đức thánh Trần được thờ ở những địa điểm nào tại Hà Nội?

Đức thánh Trần là tôn xưng của Trần Hưng Đạo, danh tướng thời Trần và cũng là



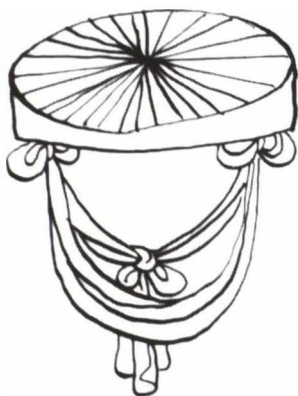
danh tướng có công lớn trong hai lần kháng chiến chống Nguyên - Mông (1285 - 1288). Không chỉ có ở riêng Vạn Kiếp (Nam Định), điện thờ đức thánh Trần còn được dựng ở khắp các làng quê tại các ngôi chùa làng, ở nhà thờ Tổ, cùng với ban thờ Thánh Mẫu trên khắp đất nước. Trên đất Hà Nội, tại đền Ngọc Sơn có ban thờ Trần Hưng Đạo. Ngoài ra còn có đền Nhiễm Phúc ở phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy; điện Thái Bình ở thôn Vân Nội, Đông Anh; điện Lan Đài ở thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, Thanh Trì... Nhân dân không gọi trực tiếp tên của ông mà gọi là Hưng Đạo Vương, Hưng Đạo Đại Vương, Đức thánh Trần, hoặc gọi là Cha. Hằng năm, vào ngày 20 tháng tám, dân khắp nơi về trả hội Kiếp Bạc. Tại khắp các đền, điện thờ... ở Hà Nội cũng tổ chức ngày giỗ Cha.

Làng quê nào của Hà Nội nổi tiếng về điệu vũ khúc múa bông, múa cờ?

Làng Triều Khúc (huyện Thanh Trì), Hà Nội là làng quê nổi tiếng về điệu vũ khúc múa bông, múa cờ. Múa bông là người múa (trước đây là nam giới cải trang thành nữ

giới gọi là “con đĩ”) quàng những dải lụa ngũ sắc, đeo trống bông sau lưng cắm chéo vài ba lá cờ đuôi nheo, múa trước dàn nhạc bát âm trong đám rước. Múa bông Triều Khúc không chỉ có một người mà từng đôi nam giả nữ, múa ngược chiều, bổ sung, đối xứng nhau theo nhịp chiêng trống, trông rất vui nhộn và hài hước. Người ta cho rằng múa bông, múa cờ Triều Khúc là mẫu mực cho điệu múa sau này trong các ngày hội ở Hà Nội.

Quai thao là sản phẩm của làng nghề nào?



Nón quai thao từ lâu đã đi vào tiềm thức của người dân Việt Nam, xuất hiện trong rất nhiều bài ca dao, dân ca:

"Ai làm chiếc nón quai thao,

Để cho anh thấy cô nào cũng xinh."

Làng Triều Khúc (xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội) là một làng nghề thủ công chuyên làm quai thao để đính vào nón. Thao - lại vốn dệt từ những sợi tơ tằm, có cục - gọi là một cục, người Triều Khúc xưa mua từ Kẻ Bưởi. Thế mà từ thứ "một cục" ấy dưới bàn tay của người thợ Triều Khúc lại hoá thành "thao". Dân Triều Khúc dệt quai thao rất nhanh và đẹp. Các dây thao được dệt ra trông rất mượt và không bị lỗi. Thao đã trở thành tên làng Triều Khúc: Đor Thao hay Kẻ Đor.

"Một son anh dệt đầu hàng,

Một cục anh bán cho nàng Kẻ Đor."

Nghề thêu ở Hà Nội có tự bao giờ? "Chợ đình thợ thêu" ở đâu?

Nghề thêu ở nước ta có từ lâu đời với thuở

ban đầu là thuê kim tuyến. Ông tổ của nghề này là Lê Công Hành (đời Lê), gốc họ Mạc.

Từ phố Hàng Mành rẽ sang phố Yên Thái, tại số nhà 2A có ngôi đình thờ ông tổ nghề thuê. Trên cổng đình có ghi to ba chữ Hán: Tú Đình Thị, chỉ rõ đây là chợ đình thợ thuê.

Phố Yên Thái ngày nay nguyên là đất của thôn Yên Thái, tổng Tiền Túc (sau đổi là tổng Thuận Mỹ) huyện Thọ Xương. Ngày trước những người thợ thuê ở trong làng Yên Thái cứ ngày chợ phiên lại đem các sản phẩm thuê ra ngôi đình này để giao dịch và buôn bán, vì thế đình thờ kết hợp với chợ đình.

"Sống làm trai Bát Tràng,

Chết làm thành hoàng Kiêu Kỳ".

Câu đó có nghĩa như thế nào?

Bát Tràng, Kiêu Kỳ đều là hai làng thuộc huyện Gia Lâm. Làng Bát Tràng nổi tiếng có nghề gốm sứ đi khắp xa gần. Trai Bát Tràng khéo tay, chăm làm tài hoa.

Thành hoàng làng Kiêu Kỳ là vị thần oai phong lẫm liệt. Vào ngày lễ hội, làng làm cỗ đám rất to.

Nghề gốm sứ Bát Tràng quanh mùa tiếp

xúc với đất, với men, với than, với lửa... Người thợ lam lũ vất vả quanh năm. Còn làng Kiều Kỵ có đến hai nghề truyền thống. Đó là nghề dát vàng, trang trí mạ vàng bạc các đồ thờ, câu đối, đại tự, tượng... và nghề làm keo nấu mực. Họ phải mổ trâu lấy da nấu keo. Mỗi lần mổ trâu đều làm lễ dâng cúng thành hoàng. Thành hoàng ở Kiều Kỵ vì thế đã ở đẹp lại được thưởng thức nhiều. Thành ra sống đã vất vả vì nghề, thì lúc mất cũng may được hưởng thành quả của nghề.

Có một văn phái (dòng văn học) mà tất cả các thành viên đều là cha con, anh em trong cùng một dòng họ. Đó là văn phái nào?

Đó chính là Ngô gia văn phái, gồm 15 tác giả trong cùng một dòng họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai (Thanh Trì). Đây là hiện tượng độc nhất vô nhị ở Việt Nam thế kỉ 18-19. Họ đã cho ra đời tập hợp thơ văn lớn gồm 36 quyển.

Bộ sưu tập này bao gồm các thể loại văn học đương thời từ thơ, phú, truyện, kí, cho



đến các công trình khảo cứu sử học, triết học... phản ánh thời kì Lê - Trịnh, Tây Sơn, đầu Nguyễn, trên dưới một thế kỉ đầy biến động ở Việt Nam. Trong đó không thể không kể đến tác phẩm tiêu biểu *Hoàng Lê nhất thống chí*. Ngoài ra, còn có: *Đại Việt sử kí tiền biên*, *Việt sử tiêu án*, *Ngọ Phong văn tập*, *Nghệ An thi tập*, *Hải Đông chí lược*... của Ngô Thì Sĩ (1726-1780); *Bang giao hảo thoại*, *Kim Mã hành dư*, *Hàn các anh hoa*, *Xuân thu quản kiến*, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*... của Ngô Thì Nhậm (1746-1803) v.v...

Hà Nội từng có mấy dòng tranh dân gian?

Hà Nội là nơi hội tụ của nhiều dòng tranh dân gian của cả nước. Có thể thấy ở đây sự hiện diện của các loại hình khác nhau, đặc biệt mang sắc thái Hà Nội hay đã được Hà Nội hoá. Đó là tranh Hàng Trống ở nội thành, tranh Đông Hồ từ xứ Bắc.

Tranh Hàng Trống được sản xuất quanh năm, song nhiều nhất là vào dịp Tết, đề tài khá phong phú như tranh thờ, tứ bình (tổ nữ, tứ quý), tranh vẽ cảnh sinh hoạt ở nông thôn, ở đô thị... Tranh Hàng Trống là kết quả của sự hoà hợp nhuần nhuyễn, là sự kết tinh của cái mộc mạc dân gian và cái tinh tế, bề thế, thoả mãn được thị hiếu của người Hà Nội thanh lịch.

Dòng tranh Đông Hồ có quê gốc ở Thuận Thành (Bắc Ninh) và cũng đã được một số nghệ nhân mang đến và lưu truyền ở Hà Nội. Những hộ làm tranh này tập trung ở xóm Dốc Gạch (Yên Phụ), Đội Cấn (Ba Đình), làng Thị Cẩm (Từ Liêm)... tạo ra, rồi lưu giữ một dòng tranh Đông Hồ Hà Nội.

Góp với Hà Nội còn có dòng tranh thứ

ba là dòng tranh Hoàng Chung (Lý Kim Hoàng, Văn Canh, huyện Hoài Đức, Hà Nội ngày nay).

Nhà nhiếp ảnh - tác giả những bức ảnh lịch sử về Hà Nội mùa thu năm 1945, mùa đông năm 1946 là ai?

Những sự kiện của đất nước những năm 1930-1946, đặc biệt là vào thuở ban đầu dân quốc, của những ngày Hà Nội vùng đứng lên sẽ không được ghi lại sinh động, sâu sắc, kịp thời cho các thế hệ đương thời, và mai sau nếu như vắng bóng người nghệ sĩ - chiến sĩ Nguyễn Bá Khoản (1917-1993).

Rời làng quê Liễu Viên, Thường Tín, Hà Tây từ năm chưa đầy 20 tuổi, ông đã dấn thân vào con đường cách mạng, làm phóng viên cho các báo *Tin Tức*, *Bạn Dân*...

Cả cuộc đời tham gia cách mạng, với tư cách là người nghệ sĩ, chiến sĩ, ông đã đi khắp các vùng miền, từ vòng quanh Đông Dương (1939), Nam Bộ (1945), Việt Bắc... Nguyễn Bá Khoản là người tham gia, là nhân chứng trực tiếp của nhiều sự kiện vĩ đại hào hùng, bi tráng của dân tộc.

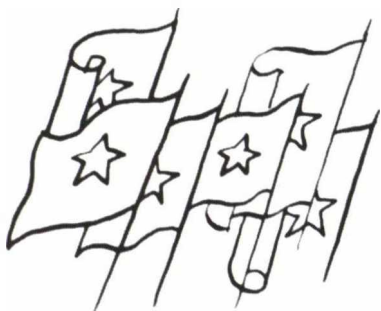
Trong di sản đồ sộ với hàng loạt tấm ảnh của ông, những tấm ảnh: *Hà Nội mít tinh 17-8-1945, Hà Nội đánh chiếm phủ Khâm sai, Lễ Tuyên ngôn độc lập, Người chiến sĩ Thủ đô ôm bom ba càng - quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh...* như ngọn đuốc luôn sáng mãi trong lòng mọi người.

Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I năm 1996 là sự đánh giá của Đảng, Nhà nước ta về tâm huyết và tài năng của cuộc đời chiến sĩ, nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản.

Tác giả sáng tác bài hát “Tiến quân ca” trong lòng Hà Nội là ai?

Đó là nhạc sĩ Văn Cao (1923-1995), gốc gác ở một làng quê Nam Định, sinh tại Hải Phòng. Năm 1942, nghe theo lời khuyên của Phạm Duy, Văn Cao rời Hải Phòng lên Hà Nội.

Cũng như nhiều bậc tài danh cùng thế hệ, Văn Cao đã tự khẳng định mình, tự đào tạo mình trong khi hoà mình vào hiện thực sôi động của đất nước, cách mạng. Ông đã



tiếp nhận những tinh hoa từ ngàn xưa của đất Thăng Long.

Nhạc sĩ Văn Cao đã bộc lộ rõ tài năng của mình từ những ca khúc như *Thiên Thai*, *Trương Chi*, *Cung đàn xưa*... rồi Văn Cao bắt đầu đến với cách mạng. Khí thế hùng hục của cao trào cách mạng, chính ngọn lửa tím sẫm, bập bùng trong hốc mắt của những bóng người đói khổ bên Hồ Gươm... làm ngân lên trong tâm hồn ông những nét nhạc đầu tiên của *Tiến quân ca* như Văn Cao hồi tưởng. Và năm 1945, khúc nhạc hùng tráng đó đã góp phần đốt cháy thêm ngọn lửa sục sôi của những ngày tiền khởi nghĩa và Cách mạng tháng Tám. Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã chọn *Tiến quân ca* làm Quốc ca Việt Nam cho đến ngày nay.

THĂNG LONG

QUY CHIẾU RA THẾ GIỚI



Từ năm 208 TCN đến 179 TCN

+ Thục Phán xưng vua, hiệu là An Dương Vương, lập nên nước Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội).

+ Cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân cuối thời Tần ở Trung Quốc do Trần Thắng và Ngô Quảng lãnh đạo diễn ra và giành được một số thắng lợi. Sau này, trong nội bộ nghĩa quân có chia rẽ nên khởi nghĩa thất bại. Sau cuộc khởi nghĩa này, phong trào đấu tranh chống nhà Tần lan rộng khắp cả nước. Điển hình nhất chính là cuộc nổi dậy do Hạng Vũ và Lưu Bang lãnh đạo.

+ Nghề in xuất hiện ở Trung Quốc. Người ta khắc chữ lên bàn đá rồi in thành sách.

+ *Trường ca Mahabharata* nổi tiếng của Ấn Độ được sáng tác bằng chữ Phạn (Sanskrit).

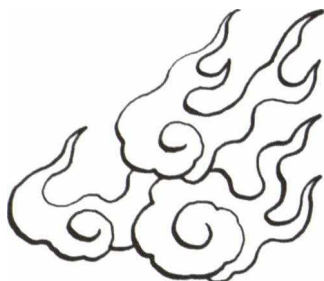
Năm 541

+ Lý Bí khởi nghĩa, đánh đuổi Thứ sử nhà Lương là Tiêu Tư, đóng quân tại Long Biên.

+ Năm sinh của nhà y dược học và dưỡng sinh học vĩ đại Tôn Tư Mạc (Trung Quốc). Ông đã tự bào chế được 24 phương thuốc, viết hơn 80 cuốn sách. Trong đó các cuốn *Thiên kim yếu phương* và *Thiên kim dục phương* có sức ảnh hưởng rất lớn.

+ Nước Cao Xa (nay nằm ở núi A Nhĩ Thái, phía Bắc vùng Tân Cương, Trung Quốc) bị bộ tộc Nhu Nhiên (một bộ tộc thời cổ ở Trung Hoa, sống chủ yếu ở sa mạc Nam Bắc và vùng Tây Bắc của Trung Quốc) tiêu diệt.

+ Bệnh dịch hạch bùng phát ở Ai Cập (bấy giờ Ai Cập nằm trong địa phận đế quốc Đông La Mã hay còn gọi là đế quốc Byzantine) sau đó nhanh chóng lan rộng ra cả thành phố Constantinople (kinh đô của đế quốc Đông La Mã). Bệnh dịch hạch đã trở thành đại dịch, giết chết rất nhiều người.



+ Sau khi Mai Thúc Loan xưng đế, ông đã tiến binh đánh thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay). Thái thú nhà Đường (Trung Quốc) là Quách Sở Khách cùng đám thuộc hạ không chống cự lại được, phải bỏ thành chạy về nước.

+ Một trận động đất lớn xảy ra ở Syria.

+ Vua Radbod của Frisian (một bộ tộc của người Đức sống ở các vùng ven biển Hà Lan, Đan Mạch và Đức) đánh bại Charles Martel. Frisian giành được độc lập.

+ Vua Đường Huyền Tông, thụy hiệu Đường Minh Hoàng (Trung Quốc) đề cao Đạo giáo, hạn chế sự phát triển của Phật giáo bằng cách giảm số lượng tăng ni; cấm

các tăng ni và quan lại qua với nhau; cấm đúc tượng viết kinh Phật; cấm sao chép kinh Phật; cấm xây dựng các chùa miếu mới.

Năm 939

+ Sau khi đánh tan quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng (cuối năm 938), Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh).

+ Stephen VIII đắc cử Giáo hoàng, trở thành là vị Giáo hoàng thứ 127 của Giáo hội Công giáo.

+ Năm sinh của Romanos II, vua của đế quốc Đông La Mã hay còn gọi là đế quốc Byzantine.

+ Nhà Hậu Tấn phế bỏ Xu Mật Viện, tương đương với Bộ Quân cơ (quản việc binh, phòng thủ biên ải và cấm vệ quân).

Năm 966

+ Loạn 12 sứ quân, trong đó có Nguyễn Siêu chiếm giữ Tây Phù Liệt (Đông Mi, Thanh Trì), Ngô Nhật Khánh chiếm giữ Đường Lâm (nay thuộc Sơn Tây).

+ Công tước Mieszko I thuộc dòng họ Piast của Ba Lan là người đầu tiên đứng ra làm lễ rửa tội, chấp nhận Công giáo làm tôn giáo chính thức mới của quốc gia.

+ Tống Thái Tổ (tức Triệu Khuông Dẫn, vua đầu tiên lập ra nhà Tống, Trung Quốc) hạ chỉ cầu vong thư (tức là thu thập sách đã thất truyền trong dân gian). Dân chúng nô nức đi hiến sách. Những người hiến sách sẽ được vào Viện Học sĩ để thi ứng đối, người có tài sẽ được phong quan.

Năm 1010

+ Lý Công Uẩn (Lý Thái Tổ) dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên thành là Thăng Long.

+ Năm ra đời của thành phố Yaroslavl (Nga) - một trong những di sản văn hóa thế giới.



+ Kinh đô Gaegyeong của Triều Tiên bị thiêu rụi.

+ Người Viking đặt chân tới Bắc Mỹ.

+ Nhà Tống (Trung Quốc) hoàn thành bộ bản đồ khổng lồ được thực hiện trong 39 năm về nước Trung Hoa.

+ Ngôi đền tam giác Brihadishwara hoàn thành, đây là ngôi đền bằng đá granite đầu tiên trên thế giới.

+ Trường thiên tiểu thuyết *Truyện kể Genji* ra đời ở Nhật Bản, được đánh giá là tiểu thuyết theo nghĩa hiện đại đầu tiên của nhân loại.

+ *Beowulf* - tác phẩm văn học quan trọng nhất của người Anglo-Saxon ra đời.

+ Thầy tu Eilmer (người Anh) thử bay bằng tàu lượn sơ khai do chính ông tạo ra.

Năm 1042

+ Nhà Lý ban hành Hình thư gồm 3 quyển - bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta chính thức được ban hành.

+ Vùng đất Montenegro giành được độc

lập dưới sự chỉ huy của Công tước Voislav.

+ Nhờ dân chúng ủng hộ, hoàng tử Edward chiếm lại được ngôi vua và chính thức trở thành vua nước Anh. Đây là vị vua Anglo-saxon cuối cùng của Anh.

+ Chiến tranh giữa đế quốc Byzantine - Ả rập.

+ Tây Hạ (quốc gia của người Đảng Hạng, nằm ở phía tây bắc Trung Quốc) đem quân tấn công nhà Tống.

+ Chùa Fugen - một trong năm ngôi chùa lớn của Triều Tiên được xây dựng.

+ Người Norman (là tộc người ở vùng Normandy, miền bắc nước Pháp, hậu duệ của người Viking) ở Italia di cư xuống Melfi (một thành phố thuộc vùng Basilicata của Italia).

+ Vua Magnus I của Na Uy trở thành vua của Đan Mạch.

Năm 1044

+ Làm lễ mừng chiến thắng quân Chiêm Thành ở kinh thành Thăng Long.

+ Bộ sách *Võ kinh tổng yếu*, một bộ sách về quân sự nổi tiếng thời Bắc Tống (Trung Quốc), được biên soạn bởi các văn thần thời Tống Nhân Tông như Tăng Công Lượng, Đinh Độ, và Dương Duy Đức.



+ Tây Hạ và nhà Tống (Trung Quốc) hoà hoãn. Tây Hạ chịu thần phục Tống, còn Tống công nhận Tây Hạ và "thưởng" cho nước này một khoản tiền khổng lồ.

+ Anawrahta lên ngôi vua, thành lập vương triều Bagan. Đây là vương quốc phong kiến thống nhất đầu tiên trong lịch sử Myanmar. Kinh đô Pagan được coi là thành phố của một ngàn ngôi chùa.

Năm 1075

+ Khoa thi đầu tiên trong lịch sử nước ta được tổ chức tại Thăng Long.

+ Giáo Hội La Mã ban hành Bản tuyên cáo "*Dictatus Papae*" gồm 27 điều luật nhằm thu tóm tất cả mọi quyền lực chính trị vào tay.

+ Hoàng Nho (chuyên gia nghiên cứu về trà học) biên soạn cuốn sách nổi tiếng *Phẩm trà yếu lược* (sách viết về cách uống trà thời Tống).

+ Nhà khoa học kiêm nhà cải cách Thẩm Quát dâng lên vua Tống Thần Tông *Phụng Nguyên lịch* do Vệ Phác làm. Sau đó *Phụng Nguyên lịch* được sử dụng rộng rãi từ đó cho đến thời vua Tống Triết Tông.

+ Nhà thờ lớn Santiago de Compostela ở Tây Ban Nha được bắt tay vào xây dựng. Nhà thờ được xây dựng để lưu giữ những thánh tích của Thánh James.

Năm 1076

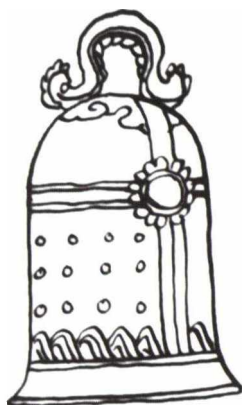
+ Lập trường Quốc Tử Giám ở cạnh Văn Miếu làm nơi cho con em các quan học.

Đây là trường Đại học đầu tiên ở nước ta.

+ Tống Thần Tông hạ chỉ cải tổ và nâng cao địa vị của Thái y cục. Thái y cục trở thành nơi chuyên đào tạo ra các nhân tài y học.

Năm 1080

+ Đúc chuông lớn ở chùa Diên Hựu, tức là chuông Quy Điền - quả chuông lớn nhất ở kinh thành và được xem là một trong tứ đại khí của Việt Nam.



+ Ísleifur Gissurarson - Giám mục đầu tiên của Iceland, chết trong khi tiến hành lễ mass ở nhà thờ Skálholt.

+ Vua Đan Mạch Knud đã cho đúc tiền

tại thành phố Randers (nằm ở phía đông bán đảo Jutland).

+ Thị trấn Colchester ở quận Essex, miền Đông nước Anh được thành lập. Đây là một trong những thị trấn lâu đời nhất trong lịch sử nước Anh.

+ Nhà Tống (Trung Quốc) xây một ngôi chùa lớn tên là Bảo Đà Quan Âm Tự (nay tên là Tề Tự, nằm ở núi Phổ Đà, tỉnh Triết Giang).

Năm 1225

+ Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng. Trần Cảnh lên làm vua mở đầu triều Trần, tức Trần Thái Tông.

+ Iltutmish, vua của vương quốc Hồi giáo Delhi (Ấn Độ) đẩy lùi một cuộc tấn công của Mông Cổ.

+ Năm sinh của Thánh Thomas Aquinas, là một trong những triết gia kiêm thần học gia vĩ đại nhất của mọi thời đại, và được tặng tước hiệu "Tiến Sĩ Thiên Thần".

Năm 1230

+ Nhà Trần ban hành bộ luật lệ 20 cuốn gọi là bộ Thông chế (về tổ chức chính quyền và quy chế hành chính).

+ Đại thánh đường Trung Cổ Zurich (Thụy Sĩ) được hoàn thành.

+ Đảo Saltholm (đảo lớn thứ 21 của Đan Mạch) được ghi trong Sổ địa bạ của Vua Valdemar. Trong sổ này ghi là nhà vua tặng đảo Saltholm cho Giám mục giáo phận Roskilde là Niels.

+ Tuyển tập *Carmina Burana* gồm 254 bài thơ và kịch từ thế kỷ 11 hoặc 12 và một số ít thuộc thế kỷ 13 ra đời.

Năm 1244



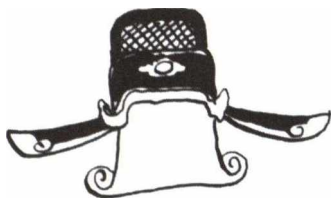
+ Nhà Trần ban hành *Hình luật*.

+ Thiền tăng Dogen mở đạo trường Sodo ở vùng Echizen (Nhật Bản), sáng lập ra phái Sodo ở Nhật.

+ Thánh địa Jerusalem thất thủ trước sự tấn công ồ ạt của lính đánh thuê Hồi giáo và người Kitô giáo, châm ngòi nổ cho cuộc Thập tự chinh thứ bảy.

+ Nhà Nam Tống (Trung Quốc) cho xây thành Vô Tích.

Năm 1247



+ Lần đầu tiên đặt danh hiệu Tam Khôi: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa cho ba người đỗ đầu thi Đình.

+ Tống Từ - nhà pháp y học trứ danh cổ

xưa của Trung Quốc và thế giới, biên soạn xong bộ sách *Tỷ Oan Tập Lục* gồm 5 cuốn. Đây là bộ sách pháp y đầu tiên trên thế giới. Sách này được dịch sang tiếng Triều Tiên, Nhật Bản, Anh, Đức, Pháp, Hà Lan... Nhờ đó, Tống Từ được vinh dự là "người đặt nền tảng cho pháp y học thế giới".

+ Bản đồ sao hoàn chỉnh sớm nhất của loài người (vẽ vào thời Nguyên Phong năm 1078-1085) được khắc lên bia đá trong đền Khổng Tử. Trên Thiên Văn đồ đó chia rõ phương vị, cung độ của 1.434 vì sao, có đủ Hoàng đạo, Thiên xích đạo, Ngân hà. Ngoài ra, còn có bài minh bia dài 209 chữ chép rõ một số kiến thức căn bản về thiên văn.

+ Nhà thờ Amiens (Pháp) với kiến trúc đồ sộ, diện tích bên trong thuộc hàng lớn nhất trong các nhà thờ ở Tây Âu, được hoàn thành.

Năm 1258:

+ Chống quân Nguyên Mông xâm lược Đại Việt lần thứ nhất.

+ Quân Mông Cổ chiếm thành Baghdad.

Năm 1272



+ Lê Văn Hưu biên soạn xong bộ sử đầu tiên của nước ta gồm 30 quyển, gọi là *Đại Việt sử kí*.

+ Cuộc Thập tự chinh thứ chín kết thúc.

+ Charles I - vua của Naples, chiếm Durrës của Albania và thiết lập một vương quốc nói tiếng Albania.

+ Amir Khusro - nhà bác học, nhà thơ Ấn Độ và Ba Tư Trung Cổ, bắt đầu sáng tác tập thơ trữ tình nổi tiếng *Divan*.

+ Sau khi thiết lập nên nhà Nguyên, Hốt Tất Liệt đã quyết định lấy Bắc Kinh làm kinh đô và kinh đô mới được đặt tên là Khanbalik.

Năm 1285

+ Chồng quân Nguyên Mông xâm lược Đại Việt lần thứ hai. Thăng Long thực hiện vườn không nhà trống, bỏ ngõ chờ giặc. Trước đó, năm 1284, các bô lão họp hội nghị Diên Hồng tại Thăng Long nhất trí quyết tâm đánh giặc.

+ Vùng Champagne trở thành phen dậu của nước Pháp. Rượu nho của vùng này dần trở thành rượu chuyên dành cho các ông hoàng bà chúa và giới quý tộc Pháp.

+ Nhà Nguyên (Trung Quốc) đề ra chức quan Thái y viện viện sử. Chức quan cao nhất của Thái y viện là Đề điểm. Thái y viện viện sử đứng sau Đề điểm.

+ Honorius IV đắc cử Giáo hoàng và trở thành vị Giáo hoàng thứ 190 của Giáo hội Công giáo.

+ Nhà du hành nổi tiếng của thành phố Venice (Italia), Marco Polo đến thăm vương quốc Chămpa.

+ Đô đốc người Italia Ruggiero di Lauria - chiến lược gia hải quân tài năng của thời kì Trung Cổ, đã đánh bại vua Philip III của Pháp trong một trận chiến hải quân của Barcelona.

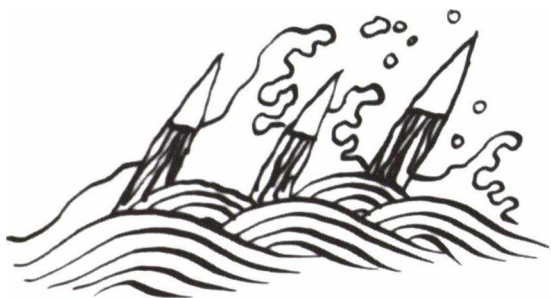
Năm 1288:

+ Chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 đã đập tan mưu đồ xâm lược Đại Việt của quân Nguyên Mông.

+ Khả hãn Mông Cổ Hốt Tất Liệt bức vua Tống Cung Tông (hoàng đế thứ 7 của nhà Nam Tống, Trung Quốc) đến Tây Tạng xuất gia.

+ Làng Koge (nay là một thành phố của Đan Mạch, ở phía đông đảo Zealand) được vua Erik Menved cấp cho đặc quyền thương trấn.

+ Một chiếc đồng hồ khá lớn, đánh từng hồi chuông và nhiều lần trong một ngày lần đầu tiên được lắp trên tháp của toà kiến trúc Westminster Hall, nước Anh.



Năm 1306

+ Vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm-pa là Chế Mân để đổi lấy hai châu Ô, Lý (chính là Quảng Trị, Thừa Thiên ngày nay).



+ Vua Philip IV (Pháp) ra lệnh trục xuất cộng đồng người Do Thái ở Pháp và tịch thu tài sản của họ.

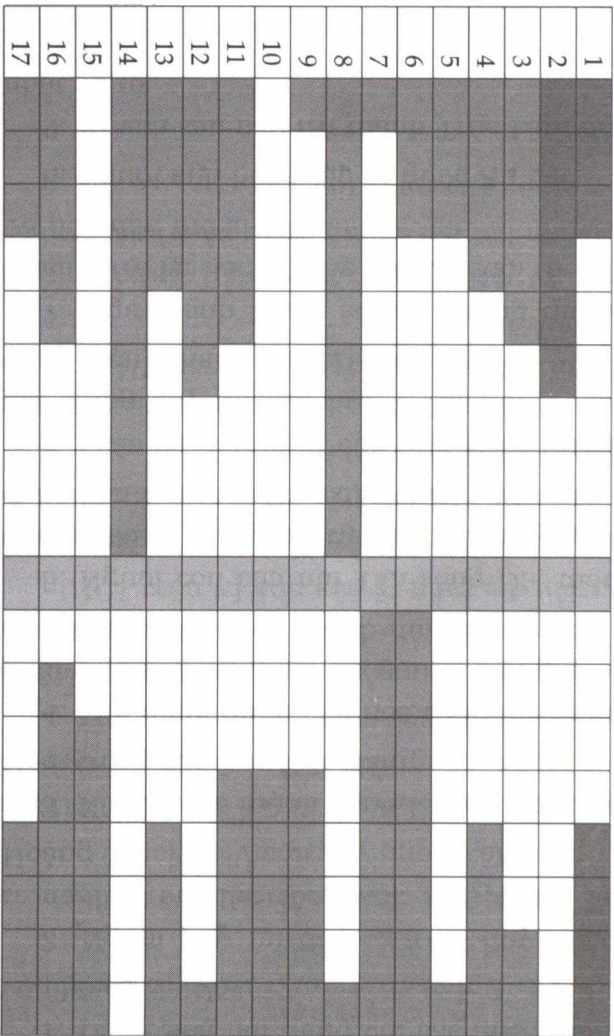
+ Đại học Orleans (Pháp) được thành lập.

+ Thái Hoa Tự được xây dựng. Đây là ngôi chùa cổ nhất ở Tây Sơn (Trung Quốc), và trước chùa còn có một cây ngân hạnh hơn 580 tuổi.

Ô CHỮ THẰNG LONG

Sau khi tìm ra được tất cả những từ hàng ngang, bạn sẽ biết ô chữ hàng dọc là gì. Bạn hãy điền vào những ô chữ sáng màu nhé.

Lưu ý: Đừng quên dựa vào những câu hỏi gợi ý có sẵn phía dưới.



CÂU HỎI GỢI Ý:

1. Danh hoạ nổi tiếng với các bức tranh về phố cổ Hà Nội.

2. Người phụ nữ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử dân tộc được sắc phong là Hoàng đế.

3. Nữ sĩ được mệnh danh là Bà chúa thơ Nôm trong văn học Việt Nam.

4. Một danh nhân văn hoá của Việt Nam phải chịu bi kịch thảm khốc nhất trong lịch sử dân tộc.

5. Người con của núi Tản sông Đà, một trong những văn sĩ nổi tiếng nhất trong giai đoạn văn học Việt Nam đầu thế kỉ 20.

6. Giáo sư duy nhất của Việt Nam tham gia giảng dạy tại Đại học Y Hà Nội trước Cách mạng tháng Tám 1945.

7. Người anh hùng áo vải chống quân Thanh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê cuối thế kỉ 18 nửa đầu thế kỉ 19.

8. Người anh hùng lập ra nước Âu Lạc.

9. Vị vua sau này trở thành Trúc Lâm đệ nhất sư tổ.

10. Tác giả của ca khúc nổi tiếng *Người Hà Nội*.

11. Người thầy danh tiếng trong lịch sử giáo dục của Việt Nam.

12. Nữ sĩ Thăng Long có biệt hiệu là “ráng đỏ” trong văn học Việt Nam.

13. Người anh hùng có công đánh thắng giặc Ân bằng những bụi tre đằng ngà nổi tiếng trong lịch sử.

14. Vị hoàng đế đã soạn thảo *Thiên đô chiếu*, dời kinh đô về Thăng Long, mở đầu triều đại rạng rỡ của nhà Lý năm 1010.

15. “*Phá cường địch, báo hoàng ân*” là sáu chữ vàng in trên lá cờ của đội quân do một thiếu niên chỉ huy.

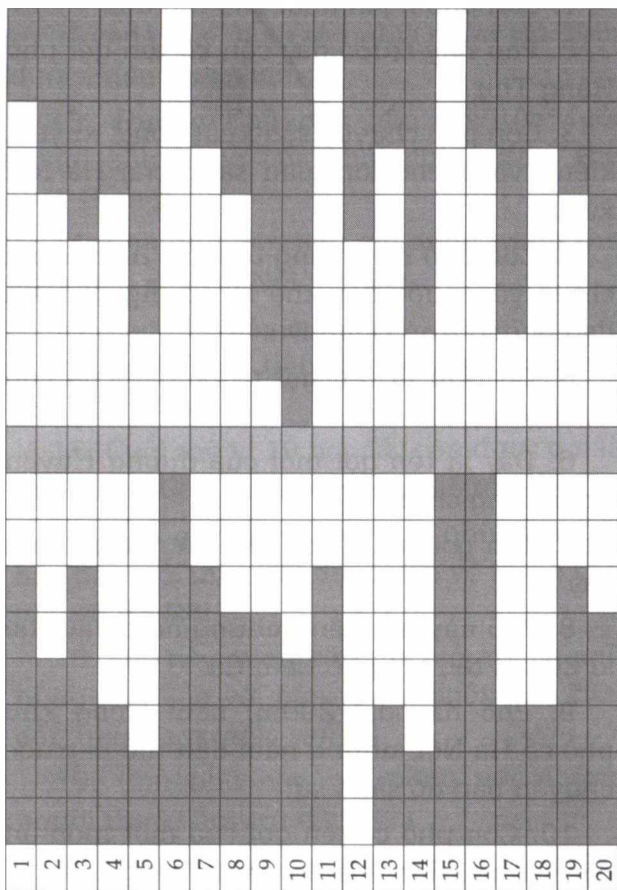
16. Nhà văn, nhà báo nổi tiếng với áng văn *Thương nhớ mười hai*, *Miếng ngon Hà Nội*.

17. Một danh tướng thời Trần có công lớn trong hai lần chống quân xâm lược Nguyên - Mông của nước ta.

ĐÁP ÁN:

1		B	Ù	I	X	U	Â	N	P	H	Á	I			G
2					L	Ý	C	H	I	Ê	U	H	O	À	N
3				H	Ồ	X	U	Â	N	H	Ư	Ó	N	G	
4			N	G	U	Y	Ế	N	T	R	Ã	I			
5		N	G	U	Y	Ế	N	K	H	Ắ	C	H	I	Ế	U
6		H	Ồ	Đ	Ắ	C	D	I							
7		U	Y	Ế	N	H	U	Ê							
8								T	H	Ụ	C	P	H	Á	N
9		Ắ	N	N	H	Á	N	T	Ô	N	G				
10	N	Y	Ề	N	Đ	Ì	N	H	T	H	I				
11				C	H	U	V	Ă	N	A	N				
12					Đ	O	À	N	T	H	I	Đ	I	Ế	M
13			T	H	Á	N	H	G	I	Ó	N	G			
14								L	Ý	C	Ô	N	G	U	Ắ
15	T	N	Q		Ố	C	T	O	Ắ	N					
16					Ủ	B	À	N	G						
17		R	Ắ	N	H	Ú	N	G	Đ	Ạ	O				

Ô CHỮ SỐ 2



CÂU HỎI GỢI Ý:

1. Con phố ngắn nhất của thủ đô.
2. Phố này trước đây còn có tên gọi phố Hàng Thịt.
3. Con phố chuyên sản xuất vòng, xuyên, kiềng vàng cho lớp giàu sang của Hà Nội xưa.
4. Con phố này mang tên của một người chí sĩ yêu nước đầu thế kỉ 20, người lãnh đạo phong trào Đông Du.
5. Cổ Ngư là tên gọi trước đây của con đường này.
6. Đây là tên gọi mới của đường Huyền Trân Công chúa.
7. Tên gọi của thành phố có nghĩa "rồng bay".
8. Phố này nổi tiếng những năm đầu thế kỉ 20 với tên gọi phố Cầm Ca.
9. Phố này dài 200m, nằm trong khu phố cổ Hà Nội, những năm đầu thế kỉ trước chuyên bán đồ sành sứ.
10. Con phố có tên gọi của một món ăn đặc sản nổi tiếng đất kinh kì Thăng Long.
11. Cửa ô duy nhất còn lại cổng ba cửa như cổng thành, có vọng lâu, xây dựng năm 1749 tại Hà Nội.

12. Trước Cách mạng tháng Tám, đây là đại lộ Carnot, sau đổi thành tên của một chí sĩ yêu nước, lãnh tụ nghĩa quân Hà Tĩnh dưới chiếu Cần Vương.

13. Đường phố gắn liền với tên tuổi người anh hùng của khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang).

14. Con phố gắn liền với dòng tranh thờ nổi tiếng của Hà Nội xưa kia.

15. Con phố này mang tên của tác giả *Vũ trung tuý bút* nổi tiếng trong văn học trung đại Việt Nam.

16. Cuối thế kỉ 19 nơi đây còn được gọi là phố Hàng Cau. Hiện nay, phố có tên là gì?

17. Phố này là nơi hội họp những người bán hoa mỗi mùa Tết đến xuân về trong khu phố cổ Hà Nội.

18. Phố này mang tên của một người anh hùng gắn liền với bản tuyên ngôn đầu tiên dân tộc: *Nam quốc sơn hà*.

19. Con phố này nổi tiếng với những người thợ khảm trứ danh.

20. Phố này những năm cuối thế kỉ 18, đầu thế kỉ 19 có tên gọi là "Ô y hạng" (tức "Ngõ áo đen"), nay đổi tên là gì?

ĐÁP ÁN:

[illegible]

Ô CHỮ SỐ 3

C	R	X	U	R	U	N	G	T	R	U	C	Q	L	I	A	Q	R	I	L
H	E	K	W	B	Z	X	Q	E	T	Y	S	T	O	B	M	N	D	P	A
U	G	A	H	O	A	N	G	C	A	M	I	H	N	L	Q	A	N	V	E
Y	K	J	O	E	I	P	K	L	P	R	T	P	G	Q	M	L	E	B	D
E	I	G	T	N	R	Z	J	Y	Q	T	J	V	D	R	E	P	I	T	Z
N	S	N	B	T	T	F	H	X	O	X	A	R	O	H	I	H	L	S	U
C	G	A	N	M	Q	E	R	M	R	N	E	T	D	P	N	I	H	M	P
U	F	M	J	A	N	L	G	E	P	Y	T	S	J	A	G	W	N	N	L
H	L	C	N	M	U	N	Q	R	J	U	H	A	H	X	U	K	I	B	R
A	K	A	Q	S	O	T	H	W	K	L	O	K	L	Z	O	A	D	P	K
N	E	O	C	B	M	P	N	I	E	K	E	M	T	A	I	C	U	A	G
O	T	E	G	L	Z	O	B	E	V	L	Q	R	S	B	H	D	V	E	I
I	B	N	O	A	L	A	R	P	Y	O	R	D	M	K	A	I	W	D	Z
Z	A	G	J	X	K	S	I	V	A	U	P	Q	W	E	N	T	U	X	N
V	M	B	M	V	R	U	Q	M	P	X	G	L	T	Z	O	E	I	H	O
G	U	H	N	H	T	X	C	A	Z	C	Y	N	J	U	I	L	K	U	S
E	N	B	Z	E	A	N	S	Z	E	G	J	K	G	T	Y	L	B	A	G
C	F	W	A	S	R	Q	T	H	A	C	H	L	A	M	E	U	P	O	N
U	R	I	P	N	L	A	Z	C	B	E	T	K	N	P	Y	V	T	H	A
Q	W	X	A	N	G	U	Y	E	N	V	A	N	V	I	N	H	F	E	B

Tìm và nối những chữ cái theo hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo để tạo thành các đáp án có nghĩa theo gợi ý dưới đây:

1. Tập bút kí của nhà văn Tô Hoài ghi chép lại hình ảnh của Hà Nội qua những năm tháng.

2. Vở kịch lịch sử nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Đình Thi, sau 20 năm mới lên sân khấu.

3. Các tác phẩm tùy bút viết về Hà Nội như một đề tài máu thịt trong sáng tác của nhà văn này.

4. Nhà văn nổi tiếng từ trước Cách mạng tháng Tám với phong cách tài hoa và những trang viết vô cùng độc đáo.

5. Nhà văn, nhà báo nổi tiếng từ trước Cách mạng tháng Tám với *Thương nhớ mười hai*, *Miếng ngon Hà Nội*, *Lọ văn...*

6. Tên gọi xưa của Hà Nội bắt nguồn từ truyền thuyết Cao Biền nhà Đường sang đắp thành Đại La và gặp vị thần này.

7. Tập truyện ngắn nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám.

8. Ca khúc rất nổi tiếng viết về thủ đô của nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi.

9. Nhà văn trong nhóm *Tự lực văn đoàn* có phong cách riêng: nhẹ nhàng, sâu lắng mà tác phẩm của ông được ví như những bài thơ trữ tình đầy xót thương.

10. Nhà văn - chiến sĩ anh dũng hi sinh khi đi vào vùng địch hậu, để lại một gia tài đồ sộ và đặc sắc những trang viết về người nông dân, trí thức tiểu tư sản nghèo.

11. Học giả, nhà báo nổi tiếng những năm đầu thế kỷ 20 luôn tự ví mình là "người man di hiện đại".

12. Nhà thơ nổi tiếng với bài thơ *Ông đồ* trong phong trào Thơ mới.

13. Thi sĩ của vùng quê Kinh Bắc.

14. Diễn viên, nghệ sĩ nhân dân sắm vai Lý Chiêu Hoàng thành công nhất trên sân khấu Việt Nam.

C	R	X	U	R	U	N	G	T	R	U	C	Q	L	I	A	Q	R	I	L
H	E	K	W	B	Z	X	Q	E	T	Y	S	T	O	B	M	N	D	P	A
U	G	A	H	O	A	N	G	C	A	M	I	H	N	L	Q	A	N	V	E
Y	K	J	O	E	I	P	K	L	P	R	T	P	G	Q	M	L	E	B	D
E	I	G	T	N	R	Z	J	Y	Q	T	J	V	D	R	E	P	I	T	Z
N	S	N	B	T	T	F	H	X	O	X	A	R	O	H	I	H	L	S	U
C	G	A	N	M	Q	E	R	M	R	N	E	T	D	P	N	I	H	M	P
U	F	M	J	A	N	L	G	E	P	Y	T	S	J	A	G	W	N	N	L
H	L	C	N	M	U	N	Q	R	J	U	H	A	H	X	U	K	I	B	R
A	K	A	Q	S	O	T	H	W	K	L	O	K	L	Z	O	A	D	P	K
N	E	O	C	B	M	P	N	I	E	K	E	M	T	A	I	C	U	A	G
O	T	E	G	L	Z	O	B	E	V	L	Q	R	S	B	H	D	V	E	I
I	B	N	O	A	L	A	R	P	Y	O	R	D	M	K	A	I	W	D	Z
Z	A	G	J	X	K	S	I	V	A	U	P	Q	W	E	N	T	U	X	N
V	M	B	M	V	R	U	Q	M	P	X	G	L	T	Z	O	E	I	H	O
G	U	H	N	H	T	X	C	A	Z	C	Y	N	J	U	I	L	K	U	S
E	N	B	Z	E	A	N	S	Z	E	G	J	K	G	T	Y	L	B	A	G
C	F	W	A	S	R	Q	T	H	A	C	H	L	A	M	E	U	P	O	N
U	R	I	P	N	L	A	Z	C	B	E	T	K	N	P	Y	V	T	H	A
Q	W	X	A	N	G	U	Y	E	N	V	A	N	V	I	N	H	F	E	B

ĐÁP ÁN:

1. CHUYỆN CŨ HÀ NỘI
2. RỪNG TRÚC
3. BĂNG SƠN
4. NGUYỄN TUÂN
5. VŨ BẰNG
6. LONG ĐỒ
7. VANG BÓNG MỘT THỜI
8. NGƯỜI HÀ NỘI
9. THẠCH LAM
10. NAM CAO
11. NGUYỄN VĂN VINH
12. VŨ ĐÌNH LIÊN
13. HOÀNG CẨM
14. LÊ KHANH

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, Trần Huy Liệu chủ biên, NXB Lao động, 2009
2. *1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Trẻ, 2009
3. *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, Đinh Gia Khánh, NXB Hà Nội, 2008
4. *Phố và đường Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Giao thông vận tải, 2004
5. *Thăng Long - Hà Nội, một nghìn sự kiện lịch sử*, Vũ Văn Quân chủ biên, NXB Hà Nội, 2007
6. *Hà Nội, cội đất, cội người*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Thế giới, 2005
7. *Thú ăn chơi người Hà Nội*, Băng Sơn, NXB Văn hoá Thông tin, 2008
8. *Lãng du trong văn hoá Việt Nam*, Hữu Ngọc, NXB Thanh niên, 2008

9. *Hà Nội, những sắc màu văn hoá*, nhiều tác giả, NXB Lao động, 2009
10. *1000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội*, 2 tập, Nguyễn Hải Kế chủ biên, NXB Hà Nội, 2009
11. *Các thành hoàng và tín ngưỡng Thăng Long - Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, Nguyễn Duy Hình, NXB Lao động, 2009
12. *1000 năm Thăng Long - Hà Nội, những hoạt động quân sự tiêu biểu*, NXB Quân đội nhân dân, 2000
13. *Hà Nội tự điển*, Nguyễn Bắc, Bùi Hạnh Cẩn, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Hà Nội, 1990
14. *Trên mảnh đất ngàn năm văn vật*, Trần Quốc Vượng, NXB Hà Nội, 2009
15. *54 vị hoàng đế Việt Nam*, Đặng Việt Thủy, Đặng Thành Trung, NXB Quân đội nhân dân, 2009

16. *54 vị hoàng hậu Việt Nam*, Đặng Việt Thủy,
Đặng Thành Trung, NXB Quân đội nhân dân, 2009
17. *Những con số Đầu Tiên trong lịch sử Việt Nam*,
NXB Lao động, 2009
18. *Thượng kinh kí sự, Lan trì kiến văn lục*, Lê Hữu
Trác, NXB Văn học, 2008
19. *Hà Nội, văn hóa và phong tục*, Lý Khắc Cung,
NXB Lao động, 2009
20. *Hà Nội nghìn xưa*, Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn
Sán, NXB Hà Nội, 2009
21. *Hà Nội, thành phố nghìn năm*, Nguyễn Vinh Phúc,
NXB Trẻ, 2009
22. *Trí thức Việt Nam thời xưa*, Vũ Khiêu, NXB
Thuận Hoá, 2006

23. *Hà Nội như tôi hiểu*, Trần Quốc Vượng, NXB Thời đại, 2009
24. *Lịch sử Thăng Long - Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, Lê Văn Lan, Nguyễn Minh Tường, NXB Thời đại, 2009
25. *Non nước Hà Nội*, Quảng Văn, NXB Hà Nội, 2009
26. *Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn*,
Trịnh Quang Khanh, NXB Văn hoá Thông tin, 2009
27. *Lễ hội văn hoá và du lịch Việt Nam*, NXB Lao động, 2009
28. *Tổng tập 1000 năm Thăng Long - Hà Nội* - NXB Hà Nội, 2009
29. Một số bài viết trên các báo, tạp chí, tập san, internet...

Thăng Long - Hà Nội

Những điều tôi muốn biết

Tập 1

[Tái bản lần thứ 2]

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội - ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 39251001 - 39250987 - Fax: (08) 39251012

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc : **PHẠM QUANG VINH**

Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc : **VŨ THỊ QUỲNH LIÊN**

Biên tập : **TRẦN NHẬT MỸ**

Trình bày : **NGUYỄN KIM ĐIẾP**

Chế bản : **NGUYỄN THANH HƯỜNG**

Sửa bài : **VŨ THỊ THÚY**

In và gia công 1.500 bản - Khổ 11 cm x 18 cm - Tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh

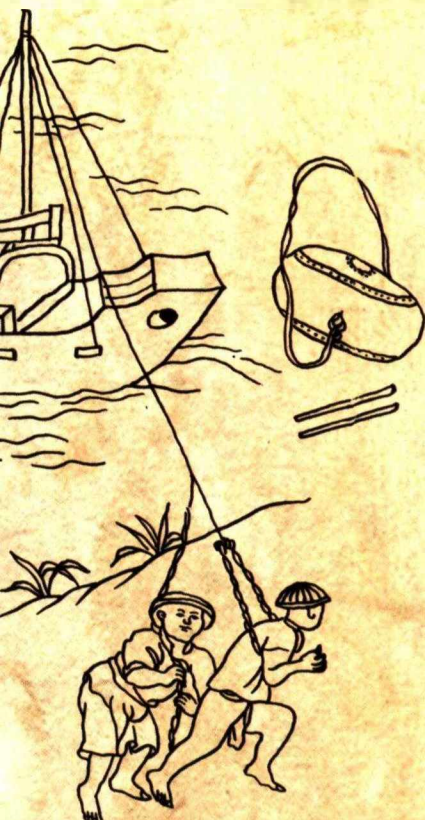
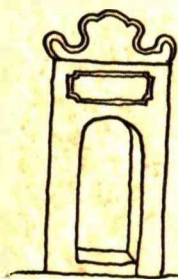
Địa chỉ : Lô B2-2-5 KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Số xác nhận đăng kí xuất bản : 2242-2016/CXBIPH/22-116/KĐ cấp ngày 13/7/2016

Quyết định xuất bản số : 419/QĐKĐ kí ngày 4/8/2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2016.

THÀNH
LÔNG
HÀ NỘI
NHỮNG
ĐIỀU
TÔI
MUỐN
BIẾT



Trải qua một thiên niên kỷ phát triển với bao thăng trầm, là “nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”, trong lòng kinh đô Thăng Long xưa và Hà Nội ngày nay ẩn chứa bao kho tàng quý báu với vô vàn giá trị truyền thống, văn hóa, lịch sử của xã hội Việt Nam. Đây cũng là vùng đất địa linh nhân kiệt, gắn với biết bao con người đã làm nên lịch sử. Để dòng chảy ấy không đứt đoạn, những giá trị truyền thống đó cần được lưu truyền lại tới thế hệ tương lai của đất nước.

Bộ sách *Thăng Long - Hà Nội, những điều tôi muốn biết* (gồm 2 tập) với những câu hỏi đáp ngắn gọn được chia theo từng mục như Thăng Long địa linh, Thăng Long nhân kiệt, Thăng Long lịch sử, Thăng Long truyền thống & hào hoa; ngoài ra còn có phần Thăng Long-quy chiếu ra thế giới và cả trò chơi trí tuệ như giải ô chữ sẽ giới thiệu tới các bạn một bức tranh đa dạng về Thăng Long - Hà Nội từ xưa đến nay.



6161304120018

Giá: 26.000đ

www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong



ISBN 978-604-2-04943-6

BECOME A MEMBER



THƯ VIỆN EBOOK KIM ĐỒNG